

Số: 577 /BC-UBND

Đắk Nông, ngày 18 tháng 11 năm 2019

BÁO CÁO

Tình hình kinh tế - xã hội năm 2019 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông.

Căn cứ Chương trình kỳ họp thứ 9 HĐND tỉnh khóa III, nhiệm kỳ 2016-2021, trên cơ sở số liệu thực hiện 10 tháng, UBND tỉnh báo cáo tình hình kinh tế - xã hội (KTXH) năm 2019 và xây dựng Kế hoạch phát triển KTXH năm 2020 như sau:

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2019

Năm 2019, tăng trưởng kinh tế (GDP) toàn quốc vượt mục tiêu đề ra, lạm phát được kiểm soát, các cân đối lớn của nền kinh tế ổn định. Tuy nhiên, tình hình Biên Đông diễn biến rất phức tạp, ảnh hưởng nghiêm trọng đến chủ quyền lãnh thổ của đất nước; đồng thời những hạn chế của kinh tế vĩ mô, thiên tai, biến đổi khí hậu, dịch bệnh, ảnh hưởng lớn đến sản xuất của các địa phương. Trong tỉnh, tình hình sản xuất gặp nhiều khó khăn do một số dự án lớn chậm tiến độ làm chậm tốc độ tăng trưởng kinh tế; ảnh hưởng của mưa bão⁽¹⁾, dịch bệnh trên cây trồng và vật nuôi gây nhiều thiệt hại, giá cả nông sản chủ lực của tỉnh tiếp tục giảm thấp gây ra nhiều khó khăn cho đời sống nhân dân; nhiều yếu tố tác động đến sức mua của thị trường sụt giảm. Một số vấn đề yếu kém nội tại của tỉnh chậm được giải quyết, chưa có giải pháp khắc phục hiệu quả, đời sống nhân dân vùng sâu vùng xa, đồng bào dân tộc thiểu số vẫn còn nhiều khó khăn.

Trước tình hình nhiều khó khăn, bất lợi; các cấp, các ngành đã tập trung thực hiện nhiệm vụ và kế hoạch năm 2019, tập trung thực hiện các nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh, khắc phục hậu quả thiên tai và an sinh xã hội. Tình hình phát triển KTXH năm 2019 đạt kết quả như sau:

I. Về kết quả thực hiện các chỉ tiêu KTXH chủ yếu năm 2019

16 nhóm chỉ tiêu đặt ra tại Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 14/12/2018 của HĐND tỉnh, trên cơ sở kết quả thực hiện 10 tháng, ước kết quả thực hiện cả năm như sau:

¹ Xảy ra 02 đợt thiên tai, mưa lớn, lốc xoáy, sạt lở đất tại các địa phương gây nhiều thiệt hại về sản xuất, cơ sở hạ tầng, thiệt hại về người, tính riêng thiệt hại cơ sở vật chất là trên 330 tỷ đồng.

1. Có 05/16 nhóm chỉ tiêu vượt KH đề ra, chiếm 31,25%, gồm:

- Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn ước đạt 2.600 tỷ đồng/KH 2.358 tỷ đồng.

- Số lao động được tạo việc làm mới và tăng thêm là 18.290 người/KH 18 ngàn người; Đào tạo nghề cho 3.960 người/KH 3.800 người.

- Giảm nghèo: Ước giảm nghèo khoảng 3%/KH trên 2,5%; trong đó: Giảm tỉ lệ hộ nghèo ĐBDTTS tại chỗ khoảng 5%/KH 5%.

- Giáo dục: Số trường được công nhận đạt chuẩn quốc gia ước đạt 22 trường/KH 8 trường; 69% dân số trong độ tuổi học trung học phổ thông đi học/KH 69%.

- Văn hóa: Tỷ lệ hộ gia đình đạt danh hiệu văn hóa 81,15%/KH 81%; Tỷ lệ thôn, bon, tổ dân phố văn hóa 83%/KH 82,3%; Xã, phường, thị trấn văn hóa 38,02%/KH 36%; Cơ quan đạt danh hiệu văn hóa 95,2%/KH 95%.

2. Có 07/16 nhóm chỉ tiêu đạt KH đề ra, chiếm 43,75%, gồm:

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế: Nông nghiệp chiếm 41,67%/KH 43,5%; Công nghiệp xây dựng 16,4%/KH 16,5%; Dịch vụ 35%/KH 32,3%; Thuế sản phẩm trừ trợ cấp 6,3%/KH 6,1%. Chuyển dịch cơ cấu đạt KH đề ra, tuy nhiên chuyển dịch cơ cấu năm nay tiếp tục bị ảnh hưởng bởi biến động giá nông sản, do đó tuy chuyển dịch đúng hướng nhưng chưa thực chất.

- Hạ tầng giao thông: Tỷ lệ nhựa hoá đường toàn tỉnh đạt 63,5%; trong đó, tỷ lệ nhựa hoá đường huyện đạt 96%, đạt KH.

- Hạ tầng cấp, thoát nước và đô thị: Đảm bảo nguồn nước cho 78% diện tích cây trồng có nhu cầu tưới; 89% hộ dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh; 98% hộ dân thành thị sử dụng nước sạch, đạt KH.

- Hạ tầng cấp điện: 98% số hộ được dùng điện; Tỷ lệ thôn, bon, buôn có điện lưới quốc gia 99,5%, đạt KH.

- Chỉ tiêu về dân số: Tốc độ tăng dân số tự nhiên 1,1%, mức tỉ lệ giảm sinh 0,8‰; đạt KH. *Chỉ tiêu theo dõi về dân số trung bình: Theo kết quả sơ bộ Tổng điều tra dân số và nhà ở toàn quốc năm 2019 do Tổng cục Thống kê công bố, đến thời điểm ngày 01/4/2019, toàn tỉnh có 622.168 người, ước cuối năm 2019 dân số toàn tỉnh khoảng 630 ngàn người.*

- Y tế: 59,2% xã đạt tiêu chuẩn quốc gia về y tế; 88%/KH 87,3% dân số tham gia bảo hiểm y tế.

- Nông thôn mới: Có thêm 05 xã đạt chuẩn nông thôn mới (lũy kế đạt 21 xã), dự kiến thị xã Gia Nghĩa đạt chuẩn nông thôn mới, mỗi xã đạt bình quân 13,9 tiêu chí trở lên, đạt KH.

3. Tuy nhiên có 04/16 nhóm chỉ tiêu không đạt kế hoạch, chiếm 25%, tập trung vào các chỉ tiêu kinh tế:

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế GRDP (giá 2010 - theo hệ số trung gian cũ thời điểm xây dựng NQ) ước đạt 7,83%/KH 8,09%, không đạt KH đề ra.

Nguyên nhân chủ yếu do nhà máy nhôm chậm tiến độ, ảnh hưởng đến dự kiến tăng trưởng lĩnh vực xây dựng. Đồng thời, giá bán nông sản chủ lực (tiêu, cà phê...) giữ ở mức thấp trong thời gian dài, dự báo xu hướng tiếp tục giảm thấp, ảnh hưởng lớn đến thu nhập của đại đa số người dân; về ngắn hạn giảm sức mua, tiêu dùng của lĩnh vực thương mại, dịch vụ; về dài hạn giảm mức đầu tư phát triển nông nghiệp.

- GRDP bình quân đầu người (giá hiện hành): GRDP bình quân đầu người ước đạt 47,79 triệu đồng/KH trên 48 triệu đồng, không đạt KH đề ra.

Nguyên nhân do tăng trưởng kinh tế không đạt KH kéo theo GRDP bình quân không đạt KH đề ra, đồng thời, ảnh hưởng của giá nông sản giảm thấp trong thời gian dài kéo theo GRDP (giá hiện hành) giảm thấp và số liệu dân số cũng thay đổi so thời điểm xây dựng KH⁽²⁾.

- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội ước đạt 15.000 tỷ đồng/KH 18.500 tỷ đồng, không đạt KH đề ra, chủ yếu do nhà máy luyện nhôm chậm tiến độ.

- Chỉ tiêu về môi trường: Giảm 11,2% số vụ và 19,7% diện tích phá rừng/KH giảm 50%, không đạt KH đề ra. Riêng các chỉ tiêu Tỷ lệ che phủ rừng ước đạt 39,3%, đạt KH. Chỉ tiêu trồng rừng tập trung ước đạt 1.247 ha/KH 1.000 ha, vượt KH.

Như vậy, ước thực hiện năm 2019, toàn tỉnh đã hoàn thành tương đối chỉ tiêu kế hoạch phát triển KTXH đã đề ra, số chỉ tiêu đạt và vượt chiếm 75%

(Chi tiết như Phụ lục đính kèm)

II. Về lĩnh vực phát triển kinh tế, hạ tầng:

1. Tăng trưởng kinh tế: Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP - giá 2010 - hệ số trung gian cũ theo Nghị quyết) ước đạt 20.672 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng duy trì ở mức khá, ước đạt 7,83%/KH 8,09%, trong đó: Khu vực nông nghiệp tăng 5,78%; Khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 10,51% (riêng công nghiệp tăng 9,53%); Khu vực dịch vụ tăng 8,97%; Khu vực thuế tăng 8,85%. Tính theo hệ số trung gian mới do Tổng Cục Thống kê công bố toàn quốc (GRDP - giá 2010) ước đạt 19.794 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng đạt 6,87%/KH 7,12%.

2. Công nghiệp:

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) ước tăng 11,6%, chỉ số IIP tăng thấp nhất trong vòng 03 năm trở lại đây⁽³⁾, nguyên nhân do nhà máy Alumin Nhân Cơ

² Thời điểm xây dựng KH 2019: dự kiến GRDP 2019 hiện hành đạt 31.941 tỷ đồng, dân số đạt 659.000 người, do đó xây dựng KH GRDP/bình quân đạt trên 48 triệu đồng; Tuy nhiên, đến thời điểm 6 tháng 2019, Tổng cục Thống kê công bố Chỉ số giá khu vực nông nghiệp tại Tây Nguyên giảm sâu do giá các sản phẩm nông nghiệp (tiêu, cà phê...) tiếp tục giữ ở mức thấp trong nhiều năm dẫn đến GRDP hiện hành 2019 (của KV 1) ước giảm 1.700 tỷ/KH, dẫn đến GRDP hiện hành 2019 ước giảm 1.800 tỷ đồng/KH. Đồng thời, số liệu dân số chính thức sau Tổng điều tra dân số nhà ở năm 2019 đạt 622.168 người, giảm mạnh so với số liệu thống kê trước đây.

³ Năm 2017 IIP tăng 140%; năm 2018 tăng 15%.

đã tiệm cận công suất thiết kế nên sản phẩm công nghiệp mới tăng thêm không đáng kể, sản lượng thủy điện giảm, nhà máy luyện nhôm chậm tiến độ. Phần lớn các sản phẩm công nghiệp ổn định so với năm trước⁽⁴⁾, riêng sản lượng Alumin ước đạt 680 ngàn tấn, tăng 9,6%; xuất khẩu Alumin ước đạt 329 triệu USD, tăng 10%; điện sản xuất ước đạt 1.622 triệu Kwh, tăng 6,7% do có thêm 02 nhà máy điện năng lượng mặt trời hoàn thành, đi vào sản xuất từ tháng 06/2019. Tiếp tục đề nghị Trung ương bổ sung quy hoạch Khu công nghiệp Nhân Cơ 2, đề nghị Trung ương đồng ý chủ trương mở rộng khai thác Alumin. Hoạt động của các khu công nghiệp ổn định⁽⁵⁾. Tuy nhiên, một số sản phẩm công nghiệp giảm mạnh so với năm trước⁽⁶⁾, tình hình đầu tư trong cụm công nghiệp vẫn chưa biến chuyển đáng kể, thu hút đầu tư vào công nghiệp đạt thấp, nhìn chung trừ một số sản phẩm chủ lực, sản xuất công nghiệp của tỉnh thiếu tính bền vững.

3. Nông nghiệp và nông thôn: Diện tích gieo trồng cơ bản ổn định so với năm trước⁽⁷⁾, tổng sản lượng lương thực ước đạt 443,9 ngàn tấn, tăng 3,3%. Tổng diện tích cây lâu năm ước đạt 216,7 ngàn ha, cơ bản sản lượng cây công nghiệp chủ lực đều tăng⁽⁸⁾, trồng mới cây lâu năm đạt 664 ha, chủ yếu tập trung trồng tái canh các diện tích cây trồng già cỗi, năng suất thấp. Trong năm, thời tiết mưa nhiều nên tương đối thuận lợi cho chăm sóc cây trồng. Tình hình dịch hại trên cây trồng diễn ra rải rác, tỷ lệ hại thấp, ngành nông nghiệp đã chủ động các biện pháp phòng trừ sâu bệnh hại ngay từ đầu vụ. Riêng đối với cây hồ tiêu, dịch bệnh chết nhanh, chết chậm vẫn diễn biến phức tạp⁽⁹⁾. Giá nông sản chủ lực giữ ở mức thấp và tiếp tục giảm, gây nhiều khó khăn cho người dân, tiếp tục gây ảnh hưởng tiêu cực đến thị trường, tăng trưởng kinh tế và các vấn đề về an sinh, xã hội của tỉnh.

Tổng đàn vật nuôi có biến động so với cùng kỳ⁽¹⁰⁾, tổng sản lượng thủy sản đạt 5.972 tấn, tăng 7%. Trong năm, ngành chăn nuôi gặp nhiều khó khăn, giá sản phẩm chăn nuôi không ổn định; tình hình bệnh dịch tả lợn Châu Phi xảy ra trên đàn lợn và diễn biến phức tạp⁽¹¹⁾. Cơ quan chức năng vẫn tiếp tục triển khai

⁴ Số liệu ước cả năm: Gạch xây dựng tăng 9,5%; Cà phê bột 7,1%; Ván MDF tăng 5,5%; Tinh bột sắn tăng 3,5%; Mủ cao su tăng 12,15%; nước máy tăng 5,3%; đậu phụng, nành sậy tăng 15,1%...

⁵ Số liệu 9 tháng: Khu công nghiệp Tâm Thắng thu hút thêm 04 dự án, với tổng số vốn đăng ký là 59,5 tỷ đồng, diện tích đất thuê lại 7,52 ha. Doanh thu các doanh nghiệp trong KCN ước đạt 2.200 tỷ đồng, giải quyết việc làm cho 1.715 lao động.

⁶ Khai khoáng giảm 10% so với cùng kỳ do thu hồi 04 giấy phép khai thác khoáng sản do nợ tiền thuế, công nghiệp giảm 59%, khí CO2 giảm 28% do tạm dừng sản xuất vì giá nguyên liệu tăng cao.

⁷ Cụ thể: Tổng diện tích gieo trồng ước đạt 327,1 ngàn ha, đạt 98%KH, tăng 1,9%; riêng diện tích gieo trồng cây ngắn ngày ước đạt 110,4 ngàn ha, giảm 2,2%.

⁸ Cụ thể: Diện tích cà phê 131.185 đạt 98,18% KH, tăng 1,27%; sản lượng ước đạt 299.500 tấn, tăng 6,6 %; Diện tích hồ tiêu tổng số 34.382 ha, giảm 0,49% so cùng kỳ, năng suất đạt 21,4 tạ/ha, sản lượng 50.098 tấn đạt 83,4% kế hoạch, tăng 18,6%; Diện tích cao su 25.641 ha, sản lượng 31.526 tấn đạt 81,8% kế hoạch, tăng 18%; Diện tích điều 14.539 ha, sản lượng 17.795 tấn, tăng 6,9%.

⁹ Đến 9 tháng diện tích hồ tiêu bị chết ước 130 ha, tập trung các huyện Đắk Song, Đắk Glong, Cư Jút.

¹⁰ Tổng đàn trâu, bò 39.200, đạt 99,1% so với kế hoạch tăng 1,4%; đàn heo 245.000 con đạt 94,2% so với kế hoạch, giảm 2,7%; Tổng đàn gia cầm 2.750.000 con tăng 4,4%.

¹¹ Đến tháng 10/2019 dịch bệnh đã xảy ra tại 40 xã, phường, thị trấn của 08 huyện và thị xã Gia Nghĩa, số lợn mắc bệnh và tiêu hủy trên 3.200 con.

tích cực các biện pháp phòng chống⁽¹²⁾, tiêu hủy toàn bộ lợn mắc bệnh, kiểm soát chặt chẽ việc mua, bán, vận chuyển lợn.

Lũy kế trồng rừng tập trung được 1.247,3 ha, đạt 124,7%KH, ước tỉ lệ che phủ rừng cuối năm đạt 39,3%. Tình hình phá rừng, vi phạm pháp luật về bảo vệ rừng có chiều hướng giảm nhưng vẫn xảy ra, lũy kế 10 tháng, tổng số vụ phá rừng là 374 vụ (giảm 11,2% về số vụ), làm thiệt hại 112 ha rừng (giảm 19,7% về diện tích thiệt hại)⁽¹³⁾. Tình trạng phá hoại, lấn chiếm diện tích rừng và làm chết rừng thông dọc tuyến Quốc lộ 14 vẫn diễn ra mà chưa được ngăn chặn, xử lý triệt để, diễn ra nghiêm trọng, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo xử lý triệt để.

Ước cuối năm 2019⁽¹⁴⁾ tăng thêm 5 xã đạt chuẩn nông thôn mới, lũy kế đạt 21 xã, đạt 100%KH; bình quân mỗi xã đạt 13,9 tiêu chí nông thôn mới, đạt 100%KH. Đẩy mạnh triển khai Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp và sản xuất ứng dụng công nghệ cao⁽¹⁵⁾. Tuy nhiên, tình hình triển khai chương trình nông thôn mới còn gặp nhiều khó khăn, chủ yếu là do thiếu nguồn lực⁽¹⁶⁾, phụ thuộc nguồn lực vào Trung ương, một số nơi có tư tưởng ỷ lại, thiếu sự phấn đấu; đa số các xã đạt chuẩn mới đạt ở mức tối thiểu của tiêu chí, mới tiệm cận với quy định của bộ tiêu chí nông thôn mới, do đó chưa bền vững, dễ bị biến động.

4. Thương mại, dịch vụ và du lịch: Tổng mức lưu chuyển hàng hoá bán lẻ và doanh thu dịch vụ ước đạt 14.735 tỷ đồng, tăng 7%, đạt 91%KH, nguyên nhân do giá cả sản phẩm nông nghiệp giảm sâu, ảnh hưởng đến thu nhập và giảm sức mua các hàng hóa, dịch vụ. Hệ thống hạ tầng thương mại tiếp tục phát triển⁽¹⁷⁾, thị trường hoạt động ổn định, đảm bảo nhu cầu, giá cả các hàng hóa tiêu dùng ổn định, CPI bình quân 10 tháng tăng 2,5% so với cùng kỳ. Khối lượng vận chuyển hành khách tăng 4,5%; khối lượng vận chuyển hàng hóa tăng 5,1%. Quy mô vận tải tăng so với cùng kỳ⁽¹⁸⁾. Kim ngạch xuất khẩu ước đạt 1.150 triệu USD, đạt 88,6%KH⁽¹⁹⁾. Kim ngạch nhập khẩu ước đạt 340 triệu

¹² Cung ứng 1.622 lít hóa chất và trên 18,8 tấn vôi bột để tiêu độc, khử trùng.

¹³ Cụ thể: Huyện Đắk G'Long 257 vụ/84,8251 ha, chiếm 68,71% về số vụ và 75,72% về diện tích; Huyện Đắk Song 89 vụ/19,6867 ha chiếm 23,79% về số vụ và 17,57% về diện tích. Phá rừng tập trung tại lâm phần các Công ty như: Công ty TNHH MTV Đắk N'Tao (130 vụ/43,0418 ha), Công ty TNHH MTV LN Đức Hòa (54 vụ/11,2403 ha); Công ty TNHH MTV LN Quảng Sơn (50 vụ/16,249 ha); Khu vực rừng Thông dọc Quốc lộ 14, Quốc lộ 28 xảy ra 25 vụ, diện tích 15,2 ha/3.554 cây.

¹⁴ Đến tháng 10/2019, toàn tỉnh hiện có 16 xã đạt NTM, Trung bình chung mỗi xã đạt 13,44 tiêu chí, tăng 0,23 tiêu chí so với năm 2018; có 7 xã đạt từ 15-18 tiêu chí, 27 xã đạt từ 10-14 tiêu chí, 11 xã đạt từ 5-9 tiêu chí và không còn xã nào đạt dưới 5 tiêu chí.

¹⁵ Đến nay đã có 465,08 ha được chứng nhận VietGAP và 34 ha đang trong quá trình đánh giá để cấp chứng nhận VietGAP; 7.130 hộ với diện tích 11.479 ha liên kết với các doanh nghiệp, HTX trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Đến nay đã thu hút được 10 nhà đầu tư và giao đất với diện tích 54,75ha tại Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của tỉnh.

¹⁶ Bình quân mỗi xã được hỗ trợ 810 triệu đồng/năm.

¹⁷ Trên địa bàn toàn tỉnh, hiện có: 46 chợ đang hoạt động được phân bố trên 42 xã, phường và thị trấn, 03 TTMM và siêu thị, 247 cửa hàng xăng dầu và 189 cửa hàng khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG).

¹⁸ Đến tháng 9/2019, toàn tỉnh có 09 bến xe, có 38 doanh nghiệp, HTX kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô; 28 đơn vị kinh doanh vận tải hành khách, tăng 02 đơn vị. Tổng số phương tiện kinh doanh vận tải khách 677 xe, tăng 79 xe; có 149 tuyến vận tải khách liên tỉnh, tăng 02 tuyến so đi 40 tỉnh thành trong cả nước, 05 tuyến vận tải khách nội tỉnh, tăng 02 tuyến.

¹⁹ Mặt hàng chủ yếu: Tiêu đen ước đạt 42 triệu USD, tăng 6%; Điều nhân ước đạt 569 triệu USD tăng 9%; cà phê ước đạt 250 triệu USD, tăng 9%; Đậu phộng sảy, đậu nành sảy: 1 triệu USD; đạt 100 kế hoạch; ván MDF ước đạt 7 triệu USD, đạt 78% kế hoạch.

USD, đạt 154%KH, do nhập nguyên liệu đầu vào để chế biến và các dự án nhà máy điện mặt trời nhập máy móc thiết bị.

Tổng lượt khách du lịch ước đạt 385 ngàn lượt, tăng 26,6%⁽²⁰⁾; cơ sở hạ tầng lưu trú cơ bản đáp ứng nhu cầu của khách du lịch⁽²¹⁾; Dự Hội nghị Mạng lưới Công viên địa chất Châu Á-Thái Bình Dương lần thứ 6 tại Indonesia, tiếp đón đoàn chuyên gia của UNESCO. Tham gia Đoàn công tác của Tổng cục Du lịch về xây dựng "Kế hoạch phát triển du lịch khu vực tam giác phát triển Campuchia - Lào - Việt Nam" lần thứ 03 tại Lào, tổ chức nhiều chương trình tập huấn, kết nối phát triển du lịch⁽²²⁾.

5. Đầu tư phát triển và kết cấu hạ tầng: Tổng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019 là 2.345,9 tỷ đồng⁽²³⁾, ước giải ngân hết kế hoạch năm 2019 đạt 2.053 tỷ đồng, đạt 87,5%, cao hơn 9% so với tỷ lệ giải ngân năm 2018. Tiếp tục đàm phán, ký hiệp định vay vốn Quỹ Ả rập Xê út đối với dự án trường Cao đẳng Cộng đồng, dự án Phát triển đô thị Gia Nghĩa (nguồn vốn ADB), dự án thích ứng với biến đổi khí hậu cho 4 tỉnh duyên hải Miền Trung và Tây Nguyên (nguồn vốn AFD), đề xuất đầu tư cho đô thị Gia Nghĩa.

Trong năm, toàn tỉnh đã xây dựng, cải tạo được 51km đường, nâng tỷ lệ nhựa hóa đường tỉnh từ 61,15% lên 63,5% (trong đó đường huyện từ 92% lên 96%). Đôn đốc các địa phương, các chủ đầu tư đẩy nhanh tiến độ thi công xây dựng các công trình trong kế hoạch vốn 2019, cơ bản đảm bảo tiến độ các công trình trọng điểm. Triển khai dự án cấp điện nông thôn tại 10 thôn, buôn²⁴, với quy mô đầu tư xây dựng mới 44 km đường dây trung áp, 57 km đường dây hạ áp, 24 trạm biến áp. Hoàn thành đạt 85% khối lượng dự án hạ tầng Khu công nghiệp Nhân Cơ. Tiếp tục đôn đốc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án Nhà máy luyện nhôm Trần Hồng Quân, dự kiến đi vào hoạt động năm 2021. Trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đồ án quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Đắk Nông đến năm 2035 tầm nhìn đến năm 2050. HĐND tỉnh ban hành nghị quyết tán thành chủ trương thành lập phường Quảng Thành thuộc thị xã Gia Nghĩa và thành lập thành phố Gia Nghĩa thuộc tỉnh Đắk Nông, dự kiến trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội trong tháng 12/2019.

²⁰ Trong đó, khách quốc tế ước đạt 8.500 lượt khách, tăng 11,8% so với cùng kỳ năm 2018. Tổng lượt khách lưu trú ước đạt 150.000 lượt khách, chiếm 39% trong tổng cơ cấu khách Tổng thu từ hoạt động du lịch thực hiện trong năm 2019 ước đạt 41,5 tỷ đồng, tăng 30%.

²¹ Toàn tỉnh có 242 cơ sở kinh doanh lưu trú, trong đó có 26 khách sạn, 216 nhà nghỉ, nhà khách.

²² Tổ chức lớp Bồi dưỡng kiến thức về công viên địa chất phục vụ đoàn thẩm định của UNESCO. Tổ chức Hội thảo về xây dựng các tuyến đường hoa gắn với phát triển du lịch; Hội thảo triển khai kết nối tuyến, tour gắn với công viên địa chất Đắk Nông.

²³ Trong đó: Giao từ đầu năm là 1.396,8 tỷ đồng; giao bổ sung là 523,4 tỷ đồng; chuyển nhiệm vụ chi là 425,6 tỷ đồng.

²⁴: Đắk Quoen, Đắk Mrăng và Đắk Krung; Bon Mê Ra và bon Bu N'Đrong B thuộc xã Quảng Tân, huyện Tuy Đức; thôn 5, thôn 6, xã Đắk R'Măng, huyện Đắk Glong; thôn Năm Châu, xã Quảng Phú, huyện Krông Nô; thôn 11, thôn 12, xã Quảng Hòa, huyện Đắk Glong.

6. Thu chi ngân sách và hoạt động ngân hàng: Tổng thu ngân sách ước đạt 2.600 tỷ đồng, đạt 110%DT, tăng 10%⁽²⁵⁾. Nhìn chung, đa số các khoản thu, sắc thuế ước đạt và vượt dự toán được giao, tăng cao so với thực hiện cùng kỳ năm trước. Tổng chi NSDP ước đạt 6.972 tỷ đồng, đạt 107%DT, tăng 21%, trong đó: Chi thường xuyên ước đạt 4.297,6 tỷ đồng, đạt 102%DT, tăng 9%, nguyên nhân chủ yếu là do tăng lương cơ sở theo lộ trình và thực hiện các chính sách an sinh, xã hội. Nguồn vốn huy động ước đạt 9.500 tỷ đồng, tăng 6,15% so với đầu năm, trong đó huy động dài hạn chiếm 25%. Tổng dư nợ đạt 29.300 tỷ đồng, tăng 15% so với đầu năm, trong đó dư nợ nông nghiệp, nông thôn chiếm 85,3%, dư nợ cho vay doanh nghiệp chiếm 12,4%. Tín dụng tại NHCS ước đạt 2.639 tỷ đồng cho 93.046 lượt khách hàng.

7. Phát triển doanh nghiệp, thu hút đầu tư và cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh: Trong năm ước có trên 600 doanh nghiệp thành lập mới, tăng 3,7%⁽²⁶⁾; chấp thuận 08 chủ trương đầu tư với tổng vốn 608,9 tỷ đồng, vốn đăng ký giảm 55%⁽²⁷⁾, cấp 04 Giấy CNĐKĐT với tổng vốn đăng ký 48,3 tỷ đồng. Số dự án FDI giảm, còn 06 dự án với tổng mức đầu tư đăng ký xấp xỉ 39 triệu USD, giảm 55% so với năm trước. Duy trì thường xuyên các buổi cà phê doanh nhân, hầu hết các ý kiến, kiến nghị của doanh nghiệp trong thời gian qua đã được trả lời đến kết quả cuối cùng⁽²⁸⁾. Thực hiện Kế hoạch triển khai đề án nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2019. Phối hợp với VCCI (Đà Nẵng) xây dựng và áp dụng bộ chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp Sở, ngành và huyện (DDCI).

Tiếp tục duy trì hoạt động 08 doanh nghiệp 100% vốn nhà nước; hoàn thành cổ phần hóa 2/4 doanh nghiệp là Công ty Cà phê Thuận An và Công ty TNHH MTV Sách và Thiết bị trường học Đắk Nông, tiếp tục xử lý đối với Công ty TNHH MTV Nam Nung và Công ty Cà phê Đức Lập⁽²⁹⁾. Thoái vốn 02/03 doanh nghiệp⁽³⁰⁾ là Công ty cổ phần Đăng kiểm xe cơ giới và Công ty cổ phần cấp nước và phát triển đô thị. Cơ bản hoàn thành việc giải thể Công ty TNHH MTV Quảng Tín, đối với các công ty còn lại còn gặp khó khăn nên tiến độ triển khai còn chậm so với kế hoạch.

Nhìn chung, phát triển doanh nghiệp và thu hút đầu tư gặp nhiều khó khăn, nguyên nhân chủ yếu là do khó khăn của nền kinh tế, số doanh nghiệp kinh doanh về bán buôn, bán lẻ giảm 24,5%, dịch vụ ăn uống lưu trú giảm 30%,

²⁵ Bao gồm: Thu nội địa 2.373.666 triệu đồng, đạt 110% dự toán, tăng 8% so với thực hiện năm trước; thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu 175.528 triệu đồng, đạt 89% dự toán, tăng 2% so với thực hiện năm trước; thu huy động đóng góp 50.807 triệu đồng, tăng 398% thực hiện năm trước.

²⁶ Đến 30/10 toàn tỉnh có 442 đơn vị đăng ký thành lập mới, trong đó 307 doanh nghiệp và 135 đơn vị trực thuộc (giảm 4,9% số với cùng kỳ), tuy nhiên vốn đăng ký 3.812 tỷ đồng (tăng 47,6% so với cùng kỳ); số doanh nghiệp và đơn vị trực thuộc giải thể tự nguyện 97 đơn vị (tăng 64% so với cùng kỳ); số doanh nghiệp và đơn vị trực thuộc đăng ký tạm ngừng hoạt động 110 đơn vị (tăng 26,4% so với cùng kỳ).

²⁷ Năm 2018: 14 chủ trương đầu tư với tổng vốn 1.348,4 tỷ đồng.

²⁸ Trong 9 tháng đã tiếp nhận và xử lý 48 lượt kiến nghị của 39 doanh nghiệp.

²⁹ Ban Chỉ đạo Cổ phần hóa đang tháo gỡ các khó khăn liên quan đến giá trị doanh nghiệp, xử lý các khoản nợ phải thu, phải trả hoàn thành công tác cổ phần.

³⁰ Riêng đối với Công ty cổ phần Quản lý, sửa chữa đường bộ đã công bố thông tin bán cổ phần, tuy nhiên đến nay không có Nhà đầu tư đăng ký mua; tiến hành các bước trong công tác giải thể doanh nghiệp.

công nghiệp chế biến giảm 9,1%. Khó khăn về nguồn vốn đầu tư, cũng kéo theo số doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực xây dựng giảm 8,3%, khai khoáng giảm 50%, tư vấn thiết kế giảm 15,8%. Một số vướng mắc, chông chéo của pháp luật về đất đai, môi trường chậm được giải quyết; các dự án đã được cấp chủ trương đầu tư tại Hội nghị xúc tiến đầu tư đầu năm 2019 chưa được triển khai thực hiện.

8. Quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường: Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất năm 2019 cho 08 huyện, thị xã. Triển khai xây dựng phương án giá đất cho các dự án đầu tư, triển khai công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất⁽³¹⁾. Ban hành danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ trên địa bàn tỉnh, quản lý công tác khai thác khoáng sản⁽³²⁾. Tổ chức giám sát về công tác bảo vệ môi trường tại nhà máy Alumin Nhân Cơ. Báo cáo kết quả thực hiện 10 năm Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 15/11/2010 của Tỉnh uỷ về quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên, khoáng sản của tỉnh đến năm 2015, định hướng đến năm 2020. Triển khai thực hiện 04 dự án có nội dung về biến đổi khí hậu⁽³³⁾.

III. Về phát triển văn hóa, xã hội:

1. Hoạt động văn hóa: Tổ chức tốt các hoạt động văn hóa, văn nghệ phục vụ các sự kiện chính trị của đất nước⁽³⁴⁾ cũng như của địa phương⁽³⁵⁾. Tổ chức thành công Hội xuân Kỷ Hợi năm 2019, tổ chức Liên hoan văn nghệ quần chúng tỉnh Đắk Nông lần thứ VII, năm 2019. Triển khai xây dựng các điểm di sản thuộc vùng Công viên địa chất Đắk Nông, triển khai các nhiệm vụ đón Đoàn chuyên gia thẩm định chính thức UNESCO. Tiến hành tổ chức 14 lễ hội truyền thống, tổ chức 04 cuộc trưng bày thành tựu kinh tế xã hội của tỉnh, 10 cuộc trưng bày sách, báo, tạp chí; tiến hành khai quật các di chỉ khảo cổ⁽³⁶⁾. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” tiếp tục đạt được nhiều kết

³¹ Tình hình đo đạc, cấp quyền sử dụng đất cho người dân, doanh nghiệp và tổ chức đến tháng 9/2019: Công tác đo đạc: đã nghiệm thu hoàn thành khối lượng đo đạc với tổng diện tích 429,87ha; Cấp quyền sử dụng đất cho tổ chức: 21 tổ chức/ 69,78ha. Trong đó, thẩm quyền của tỉnh cấp cho 16 tổ chức/ 63,11ha và thẩm quyền của Sở cấp cho 5 tổ chức/ 6,67ha; Cấp quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân: 58.782 hồ sơ (trong đó Hồ sơ đã giải quyết: 54.083 hồ sơ; Hồ sơ đang giải quyết: 2.446 hồ sơ; Hồ sơ chuyển trả, bổ sung: 2.253 hồ sơ).

³² Lũy kế đến tháng 9/2019 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông có 39 giấy phép khai thác khoáng sản còn hiệu lực do UBND tỉnh cấp; 03 giấy phép khai thác khoáng sản còn hiệu lực do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp.

³³ Xây dựng, cập nhật kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH giai đoạn 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tỉnh Đắk Nông; Điều tra, xây dựng kế hoạch thực hiện thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu tỉnh Đắk Nông; Đánh giá khí hậu tỉnh Đắk Nông; dự án hồ chứa Đắk N’Ting.

³⁴ Tổ chức chào mừng kỷ niệm 89 năm Ngày thành lập Đảng cộng sản Việt Nam và tết Nguyên đán Kỷ Hợi năm 2019; tuyên truyền kỷ niệm 50 năm thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh và 50 năm Ngày mất của Người; Tuyên truyền kỷ niệm 60 năm mở đường Hồ Chí Minh và ngày truyền thống Bộ đội Trường sơn. Tổ chức biểu diễn các chương trình văn nghệ “Âm nhạc đường phố”; phục vụ Hội nghị Đối thoại doanh nghiệp; đón tiếp Đoàn lãnh đạo cấp cao tỉnh Mondulkiri sang thăm và chúc Tết Cổ truyền dân tộc Việt Nam; gặp mặt đại diện văn nghệ sĩ tri thức tiêu biểu đầu xuân.

³⁵ Tổ chức 56 chương trình văn nghệ cấp tỉnh phục vụ các sự kiện chính trị, 63 buổi biểu diễn văn nghệ cơ sở, 100 buổi chiếu phim cơ sở, đặc biệt là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, phục vụ hơn 30 ngàn lượt người xem.

³⁶ Thực hiện khai quật khẩn cấp di chỉ khảo cổ tại thôn Tân Lập, xã Đắk Gản, huyện Đắk Mít và Di chỉ khảo cổ học Rừng Lạnh, xã Đắk Hòa, huyện Đắk Song; tiến hành khảo sát, nghiên cứu di tích lịch sử, văn hóa - di chỉ khảo cổ học tại địa bàn huyện Cư Jút và huyện Đắk G’long, qua đó, đã thu được hơn 400 hiện vật khảo cổ học có giá trị lịch sử, văn hóa. Khai quật khảo cổ hang động núi lửa Krông Nô (C6.1).

quả⁽³⁷⁾. Tiến hành điều tra xây dựng hồ sơ Dân ca M'Nông trình Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đưa vào danh mục Di sản cấp Quốc gia.

2. Thể dục và thể thao: Đăng cai tổ chức thành công Hội thi Thể thao các dân tộc thiểu số toàn quốc lần thứ XI khu vực II, năm 2019. Phong trào thể dục thể thao tiếp tục được đẩy mạnh, tổ chức 09 giải thể thao cấp tỉnh, 30 giải thể thao phong trào, thu hút đông đảo quần chúng tham gia. Tham gia thi đấu 19 giải thi đấu khu vực và toàn quốc, kết quả đạt được 65 huy chương các loại, trong đó có 10 HCV, 14 HCB và 41 HCD⁽³⁸⁾. Số người luyện tập TDTT thường xuyên đạt 25,7%, số gia đình luyện tập TDTT đạt 16,5%. Ngoài ra, tổ chức Lớp tập huấn đua thuyền rồng; tổ chức Lễ phát động toàn dân tập luyện môn bơi phòng chống đuối nước trên địa bàn tỉnh. Tình hình huy động xã hội hóa thể dục thể thao, đầu tư cơ sở hạ tầng thể thao thay đổi không nhiều so với cùng kỳ⁽³⁹⁾.

3. Giáo dục và đào tạo: Triển khai Đề án sắp xếp, điều chỉnh lại quy mô điểm trường, lớp học các trường công lập⁽⁴⁰⁾. Dự kiến đến hết năm, kiểm tra và công nhận thêm 22 trường đạt chuẩn quốc gia, nâng tổng số đạt 144/350 trường công lập trường học đạt chuẩn quốc gia, đạt 39,4%. Tổ chức kỳ thi THPT quốc gia năm 2019 an toàn, hiệu quả, nghiêm túc và đúng quy chế, tỉ lệ đỗ tốt nghiệp THPT đạt 92,78%. Triển khai năm học 2019-2020 đảm bảo yêu cầu, xây dựng các quy định sử dụng nhà vệ sinh, công trình nước sạch, đảm bảo an toàn thực phẩm, hướng dẫn kỹ năng cần thiết cho học sinh⁽⁴¹⁾; tập trung nguồn lực đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng trường, lớp, giảm tỷ lệ phòng học tạm, mượn; đầu tư bổ sung thiết bị dạy học để đảm bảo yêu cầu năm học mới⁽⁴²⁾.

4. Y tế: Tổng số bệnh nhân đến khám chữa bệnh tại các bệnh viện là trên 494,2 ngàn lượt, tăng 11,7 ngàn lượt so với cùng kỳ, công suất sử dụng giường bệnh tăng 8%. Tổ chức các đợt khám, phòng chống dịch bệnh tại các địa phương. Tập trung và lồng ghép nguồn lực đầu tư sửa chữa cơ sở hạ tầng, mua sắm trang thiết bị y tế. Tổ chức khám, chữa bệnh và cấp thuốc miễn phí cho nhân dân nghèo, dân tộc thiểu số, đối tượng chính sách được 22 đợt, khám bệnh cho trên 10,5 ngàn lượt bệnh nhân. Trong năm, tình hình dịch bệnh diễn biến

³⁷ Toàn tỉnh có 115.359/142.537 hộ gia đình đạt chuẩn văn hoá, đạt 80,93%; 648/789 thôn, bon, buôn, tổ dân phố đạt chuẩn văn hoá, đạt 82,12%; 25/71 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn văn hoá, đạt 35,21% và 879/923 cơ quan, đơn vị đạt danh hiệu văn hoá, đạt 94,31%.

³⁸ Đặc biệt, cử Vận động viên Vũ Trường Giang tham gia cùng đội tuyển Võ cổ truyền Việt Nam thi đấu tại giải Cúp Thế giới Võ cổ truyền Việt Nam tổ chức tại Marseille - Pháp, kết quả đạt 01 Huy Chương vàng và cử Vận động viên Lê Xuân Trường tham gia Đoàn thể thao Quốc gia dự giải Vô địch Taekwondo Đông Nam Á, tổ chức tại Philippines. Kết quả đạt 01 HCD.

³⁹ Tính đến nay, toàn tỉnh có 94 sân bóng đá mini cỏ nhân tạo, 12 bể bơi, 38 sân quần vợt, 230 sân bóng chuyền; 05 sân bóng rổ, 65 sân bóng chuyền và 02 khu TDTT được đầu tư xây dựng bằng nguồn xã hội hóa.

⁴⁰ Hiện có 396 cơ sở (giảm 06 cơ sở so với cùng kỳ) với số học sinh là 168.919 em.

⁴¹ Xây dựng và thực hiện nội quy sử dụng, bảo quản nhà vệ sinh, các công trình nước sạch đúng cách. Đối với các trường tổ chức ăn nội trú, triển khai công tác đảm bảo an toàn thực phẩm. Phát động các phong trào "Xây dựng trường lớp xanh, sạch, đẹp", "Ngày hội vệ sinh trường học".

⁴² Trong năm học 2019-2020, các địa phương đã đầu tư xây dựng phòng học, nhà hiệu bộ; sửa chữa cải tạo sân trường; công trình vệ sinh nước sạch; sửa chữa các công trình hạng mục khác với tổng kinh phí là 244,3 tỉ đồng. Kinh phí mua sắm sách giáo khoa, vở viết và thiết bị dạy học tối thiểu phục vụ năm học 2019-2020 với tổng kinh phí là 19,5 tỷ đồng.

phức tạp, các dịch bệnh và yếu tố bất lợi dự báo vẫn tiếp tục kéo dài, hiện ngành Y tế đang tích cực triển khai công tác dự phòng, phòng chống dịch bệnh.

5. Bảo trợ, an sinh xã hội và giảm nghèo: Triển khai công tác giảm nghèo và an sinh xã hội đảm bảo kế hoạch đề ra⁽⁴³⁾. Tập trung chăm lo đời sống cho người có công⁽⁴⁴⁾, tổ chức đoàn đại biểu người có công với cách mạng tiêu biểu của tỉnh đi dự Hội nghị biểu dương toàn quốc tại Hà Nội. Triển khai các hoạt động đền ơn đáp nghĩa nhân dịp Tết Nguyên đán và kỷ niệm 72 năm ngày Thương binh - Liệt sĩ⁽⁴⁵⁾. Tổ chức các hoạt động chăm sóc và bảo vệ trẻ em⁽⁴⁶⁾.

Ước tỉ lệ giảm nghèo chung đạt 3%, nhìn chung các nguồn lực giảm nghèo đã được lồng ghép, thực hiện đồng bộ, cơ bản bao phủ được số hộ nghèo và địa bàn xã còn khó khăn; người nghèo tiếp cận được các dịch vụ xã hội cơ bản. Tỉ lệ người dân trong độ tuổi lao động tham gia bảo hiểm xã hội ước đạt 9,69% KH. Tuy nhiên, vẫn còn tình trạng ỷ lại, trông chờ vào sự hỗ trợ của nhà nước, chưa chủ động vươn lên thoát nghèo. Các tổ chức, đoàn thể vẫn chưa triển khai một cách đồng bộ việc thực hiện phân công cụ thể đoàn viên, hội viên của tổ chức mình giúp đỡ các hộ nghèo vươn lên thoát nghèo.

6. Đào tạo lao động và giải quyết việc làm: Tạo được việc làm mới cho 18.290 ngàn lượt người, vượt KH; số lao động đi làm việc ở nước ngoài trên 200 lao động, vượt KH. Xét duyệt cho vay 2.862 dự án với số tiền 143 tỷ đồng từ Quỹ quốc gia về việc làm, tổ chức 20 phiên giao dịch việc làm, 04 hội nghị phổ biến pháp luật. Đào tạo nghề cho 3.960 lượt người, vượt KH, tỉ lệ lao động qua đào tạo đạt 42,5%, trong đó tỉ lệ lao động qua đào tạo nghề là 33,2%. Quản lý và sử dụng lao động người nước ngoài đúng quy định⁽⁴⁷⁾.

7. Thông tin, phát thanh và truyền hình, khoa học công nghệ: Phát thanh, truyền hình, báo chí chủ động bám sát định hướng tuyên truyền, định kỳ tổ chức họp báo cung cấp thông tin các vấn đề dư luận quan tâm. Triển khai tích hợp chữ ký số, chứng thư số do Ban cơ yếu Chính phủ cấp tại 100% các cơ quan từ cấp tỉnh đến cấp xã, tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử đã tăng lên đáng kể, đạt 90%. Hệ thống dịch vụ công trực tuyến tích hợp ứng dụng một cửa điện tử liên thông của tỉnh cung cấp 2.294 dịch vụ công mức 1,2. Duy trì và đảm bảo tốt thời lượng các chương trình phát thanh và truyền hình địa phương, đạt 100%KH đề ra. Triển khai 21 nhiệm vụ khoa học công nghệ, tổ chức các hội đồng đánh giá

⁴³ Hỗ trợ nhà ở cho 418 hộ nghèo với tổng kinh phí là 24,6 tỷ đồng. Cấp bảo hiểm y tế cho 63.881 hộ nghèo, 13.591 hộ cận nghèo và 109.374 hộ đồng bào dân tộc thiểu số. Tổ chức chi trả kịp thời chế độ trợ cấp thường xuyên tại cộng đồng cho 9.711 đối tượng. Hỗ trợ gạo cứu đói dịp Tết nguyên đán cho 12.007 khẩu với 133,2 tấn gạo; dịp giáp hạt cho 7.561 khẩu với 115,4 tấn gạo.

⁴⁴ Hiện toàn tỉnh có 14.000 người có công hưởng trợ cấp, đảm bảo chế độ kịp thời và đúng đối tượng.

⁴⁵ Tặng tổng cộng 6.151 suất quà, trong đó quà của Chủ tịch nước: 2.883 suất với tổng số tiền 589,2 triệu; Quà của tỉnh: 3.268 suất với tổng số tiền 1,0495 tỷ đồng.

⁴⁶ Tổ chức tuyên truyền trực tiếp kiến thức, kỹ năng phòng, chống xâm hại trẻ em và tai nạn, thương tích trẻ em tại 22 trường tiểu học, trung học cơ sở với trên 10.000 trẻ em và giáo viên. Tổ chức lớp dạy bơi miễn phí cho trẻ em trong dịp hè. Tổ chức cập nhật thông tin trẻ em vào phần mềm quản lý trẻ em, đến nay đã ước cập nhật khoảng 147 ngàn trẻ em, ước đạt 90% số trẻ em trên toàn tỉnh đã được cập nhật thông tin vào phần mềm quản lý theo dõi.

⁴⁷ Hiện nay trên địa bàn toàn tỉnh có 60 lao động người nước ngoài.

nhệm vụ khoa học công nghệ cấp tỉnh⁽⁴⁸⁾. Tổ chức hội thảo KHCN cơ sở lần thứ 12. Tổ chức xét duyệt cho 138/147 sáng kiến cấp tỉnh, xét duyệt 432/484 sáng kiến ngành giáo dục đào tạo.

IV. Về nội chính, đối ngoại và an ninh quốc phòng

1. Cải cách hành chính, công tác nội chính, tư pháp: Hệ thống phần mềm Văn phòng điện tử được kết nối liên thông tới 100% các cơ quan hành chính. Triển khai hệ thống chứng thư số, chữ ký số chuyên dùng trong hoạt động các cơ quan hành chính nhà nước. Hệ thống một cửa điện tử (iGate) được triển khai đồng bộ cung cấp thông tin TTHC từ cấp tỉnh đến cấp xã. Hoàn thành công tác sắp xếp bộ máy theo kế hoạch⁽⁴⁹⁾, ban hành Quyết định phê duyệt Bản mô tả và khung năng lực vị trí việc làm cho 18 đơn vị⁽⁵⁰⁾. Chuẩn bị tốt các dự thảo Nghị quyết trình kỳ họp thứ 8, kỳ họp thứ 9 và kỳ họp bất thường, HĐND tỉnh khoá III⁽⁵¹⁾. Tổ chức thẩm định văn bản QPPL và cập nhật văn bản Trung ương⁽⁵²⁾, chủ động thực hiện rà soát các văn bản do HĐND, UBND tỉnh ban hành đang còn hiệu lực.

2. Công tác tiếp công dân, xử lý khiếu nại, tố cáo; phòng chống tham nhũng: Thực hiện nghiêm lịch tiếp công dân định kỳ và đột xuất xử lý những vấn đề nổi cộm, xử lý, tham mưu giải quyết kịp thời khiếu nại, tố cáo của công dân; Tình hình tiếp công dân, tiếp nhận đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trên địa bàn tỉnh nhìn chung tăng nhưng số vụ việc khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết giảm so với năm 2018⁽⁵³⁾. Thực hiện 92 cuộc thanh tra tại 165 đơn vị⁽⁵⁴⁾. Triển khai 11 cuộc thanh tra về phòng chống tham nhũng. Tuyên truyền pháp luật về phòng chống tham nhũng, gắn với việc giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức cho đội ngũ cán bộ, công chức.

3. Công tác dân tộc, tôn giáo: Tổ chức thành công Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số cấp huyện, Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số cấp tỉnh lần thứ III. Tiến hành điều tra xã hội học chính sách giảm nghèo đồng bào dân tộc thiểu số, tổ chức đánh giá kết quả 15 năm thực hiện công tác kết nghĩa giữa các cơ

⁴⁸ Một số kết quả đề tài nổi bật như: Hệ thống xử lý Asen trong nước sinh hoạt với quy mô 1.000 lít/giờ được chuyển giao cho UBND xã Đăk Gằn, huyện Đăk Mil quản lý sử dụng; xây dựng 01 Mô hình đường giao thông nông thôn dài 02 km và 01 mô hình đập tràn sự cố trên mặt đất sử dụng puzolan kết hợp xi măng và vôi tại xã Đăk Nia, TX Gia Nghĩa.

⁴⁹ Đến nay đã thực hiện sáp nhập giảm từ 19 cơ quan chuyên môn xuống còn 18 cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; 18/18 cơ quan, tổ chức hành chính cấp tỉnh đã thực hiện xong việc sắp xếp tổ chức bên trong. Tiến hành sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập, giảm được 60 đơn vị sự nghiệp

⁵⁰ 10 Sở, ban, ngành và 08 huyện, thị xã.

⁵¹ Chuẩn bị xây dựng với tổng số trên 33 Nghị quyết (trong đó có 21 Nghị quyết quy phạm pháp luật – 03 Nghị quyết theo quy định tại Khoản 1, Điều 27, Luật ban hành văn bản QPPL). Tại Kỳ họp thứ 8 (Tháng 07/2019) và kỳ họp bất thường (Tháng 09/2019), HĐND tỉnh đã thông qua 14 Nghị quyết QPPL.

⁵² Thẩm định 50 dự thảo văn bản QPPL, ban hành 25 văn bản QPPL theo thẩm quyền và giao các đơn vị xây dựng 18 văn bản QPPL. Cập nhật 07 Luật, 73 Nghị định của Chính phủ, 28 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, 249 Thông tư.

⁵³ Số lượng tiếp công dân tăng (tăng 244 lượt (11,7%) và giảm 48 người (1,3%)); số đơn thư tiếp nhận tăng 811 đơn (27,6%); số vụ việc khiếu nại thuộc thẩm quyền giảm 06 vụ việc (10,5%) và số vụ việc tố cáo thuộc thẩm quyền giảm 11 vụ việc (45,8%) so với cùng kỳ năm 2018.

⁵⁴ Đã ban hành 86 kết luận, kiến nghị thu hồi hơn 4,3 tỷ đồng, kiến nghị khác 14 tỷ đồng, kiểm điểm 12 tổ chức, 63 cá nhân.

quan với bon, buôn đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ. Xây dựng quy chế phối hợp thực hiện công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo; Giải quyết kịp thời 17 nhu cầu về tôn giáo⁽⁵⁵⁾, tổ chức làm việc định kỳ với Tòa giám mục Ban Mê Thuột. Tổ chức hội nghị phổ biến Luật tín ngưỡng, tôn giáo cho 200 chức sắc, tu sĩ, nhà tu hành các tôn giáo trên địa bàn tỉnh. Tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ công tác tôn giáo cho 150 cán bộ, công chức làm công tác tôn giáo chủ chốt.

4. Về đối ngoại và bảo đảm an ninh, quốc phòng: Triển khai tốt công tác đối ngoại và hợp tác quốc tế, tiếp tục thực hiện hiệu quả chương trình hợp tác phát triển KTXH với tỉnh Mondulhiri, Vương quốc Campuchia. Giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, nhất là khu vực biên giới. Diễn tập khu vực phòng thủ huyện Đăk Mil và Đăk Glong năm 2019, kết quả đạt tốt; Diễn tập chiến đấu phòng thủ 13/13 xã, phường, thị trấn, đạt 100%, kết quả đạt khá. Chú trọng rà soát đất quốc phòng, tập trung hoàn thiện thủ tục để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các vị trí đất quốc phòng. Chủ động triển khai đồng bộ các biện pháp phòng ngừa, tấn công trấn áp tội phạm, tội phạm hình sự giảm 7,22%. Trấn áp tội phạm về hoạt động kinh tế, nổi bật là triệt phá thành công hoạt động sản xuất, buôn bán xăng giả và sản xuất, tiêu thụ tiền giả tinh vi, tiêu thụ tại nhiều địa phương. Công tác tuyên truyền, kiểm tra, hướng dẫn PCCC, cứu nạn, cứu hộ được tăng cường⁽⁵⁶⁾, kiểm chế và giảm tai nạn giao thông so với cùng kỳ năm 2018⁽⁵⁷⁾.

V. Đánh giá chung, tình hình KTXH năm 2019 cơ bản ổn định, duy trì tốc độ tăng trưởng GRDP ổn định ở mức khá đạt 7,83%; cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu phát triển KTXH, chiếm 75%; Tuy nhiên, còn một số tồn tại hạn chế trên một số ngành, lĩnh vực:

- Giá nông sản chủ lực giữ ở mức thấp và tiếp tục giảm, gây nhiều khó khăn cho người dân, dự báo xu hướng tiếp tục giảm thấp, tiếp tục gây ảnh hưởng tiêu cực đến thị trường, tăng trưởng kinh tế và các vấn đề về an sinh, xã hội của tỉnh. Nhà máy nhôm chậm tiến độ, hoạt động của các cụm công nghiệp không có nhiều biến chuyển. Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công chưa đạt KH nguyên nhân chủ yếu do năng lực chủ đầu tư. Tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, thu hút đầu tư gặp nhiều khó khăn. Một số vướng mắc, chông chéo của pháp luật về đất đai, môi trường chậm được giải quyết. Dịch bệnh trên cây hồ tiêu và dịch tả lợn Châu Phi diễn biến phức tạp, gây ra nhiều thiệt hại. Nguồn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp gặp nhiều khó khăn.

- Tình hình phá rừng còn diễn biến nghiêm trọng. Việc bố trí ngân sách cho hoạt động phòng, thiên tai theo quy định ở các cấp cơ sở còn thiếu. Triển khai chương trình mỗi xã một sản phẩm chậm chưa có kết quả cụ thể. Việc quản lý, sử dụng giống, phân bón, thuốc BVTV, thuốc thú y và thức ăn chăn nuôi,

⁵⁵ Thành lập tổ chức tôn giáo trực thuộc: 6 trường hợp (Tin lành 03; Công giáo 03); Giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 4 trường hợp (Công giáo 03; Phật giáo 01); Cấp phép xây dựng cơ sở thờ tự: 07 trường hợp (Công giáo 06; Tin lành 01).

⁽⁵⁶⁾ Giảm 06 vụ cháy (37.5%) so với cùng kỳ năm 2018.

⁽⁵⁷⁾ Xây ra 67 vụ, 43 người chết và 52 người bị thương (giảm 16 vụ; 08 người chết và 16 người bị thương)

thủy sản vẫn còn nhiều tồn tại, bất cập. Vẫn còn tình trạng lấn chiếm, tái lấn chiếm hành lang an toàn đường bộ. Công tác quản lý đô thị có nơi còn chưa nghiêm, tình trạng đồ rác xây dựng bừa bãi, tình trạng xe vận tải vật liệu xây dựng vi phạm các quy định về an toàn và môi trường còn khá phổ biến. Công tác định giá đất bồi thường còn chậm trễ, ảnh hưởng tới tiến độ thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng của các công trình. Tình hình triển khai các dự án du lịch còn chậm, nhiều yếu kém.

- Cơ cấu đội ngũ giáo viên chưa đồng bộ, còn tình trạng thừa, thiếu giáo viên ở các cấp học, đặc biệt là tình trạng thiếu giáo viên mầm non. Cơ sở vật chất trang thiết bị trường học tuy có tăng cường song vẫn chưa đáp ứng nhu cầu dạy và học, nhiều trường học còn thiếu các phòng chức năng, nhà bán trú cho giáo viên và học sinh. Việc tuyên truyền thực hiện các hoạt động về bảo vệ, chăm sóc, và giáo dục trẻ em còn hạn chế, nhất là vùng sâu, vùng xa. Vẫn xảy ra tình trạng tai nạn trẻ em, đuối nước. Công tác giải quyết việc làm cho người lao động còn hạn chế, thiếu ổn định. Số lao động được giải quyết việc làm chủ yếu trong lĩnh vực nông nghiệp. Kết nối thông tin thị trường lao động chưa cao. Công tác đào tạo nghề vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu của người dân và doanh nghiệp. Số cán bộ y tế chuyên môn có trình độ sau đại học tỷ lệ chưa cao, ảnh hưởng đến khả năng cung cấp các dịch vụ kỹ thuật cao. Tình trạng khám chữa bệnh vẫn chưa đáp ứng tốt nhu cầu của nhân dân. Thiếu cán bộ có năng lực, trình độ để quản lý làm chủ trang thiết bị, phần mềm về công nghệ thông tin.

Phần thứ hai

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2020

Năm 2020 là năm cuối cùng thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH giai đoạn 2016-2020, phải tập trung mọi nguồn lực và khả năng để phấn đấu hoàn thành về đích thành công Kế hoạch. Đồng thời, cũng là năm tiến hành Đại hội Đảng các cấp, Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII, tiến tới Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, do đó, khối lượng công việc rất lớn. Trong bối cảnh dự báo kinh tế vĩ mô tiếp tục tăng trưởng và ổn định, Trung ương tiếp tục thực hiện các chính sách khuyến khích đầu tư và phát triển kinh tế tư nhân trở thành động lực quan trọng, do đó, tác động tích cực tới tăng trưởng của các địa phương. Trong tỉnh, dự báo nền kinh tế nội tỉnh tiếp tục tồn tại một số khó khăn, ảnh hưởng đến tăng trưởng GRDP của năm 2020 và cả giai đoạn 2016-2020, đặt ra cho các cấp, các ngành nhiều nhiệm vụ nặng nề và thách thức to lớn. Trước tình hình đó, các cấp, các ngành cần phấn đấu với quyết tâm cao nhất, triển khai quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đề ra.

I. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU NĂM 2020

1. Mục tiêu tổng quát: Phấn đấu đạt cao các chỉ tiêu, thực hiện thành công Nghị quyết, Kế hoạch của giai đoạn 2016-2020. Thực hiện các đồng bộ

giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy cho sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và người dân; Nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ tái cơ cấu các ngành kinh tế, cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư và năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Thực hiện tốt các mục tiêu an sinh xã hội và chăm lo đời sống, sức khỏe nhân dân, giáo dục và đào tạo, phát triển văn hóa, thực hiện dân chủ và công bằng xã hội. Cùng cố quốc phòng, bảo đảm an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội. Tổ chức thành công Đại hội Đảng các cấp, Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII, tiến tới Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

2. Dự kiến tăng trưởng kinh tế năm 2020: Với tình hình hiện tại, khả năng và tiến độ hoàn thành các dự án trọng điểm của tỉnh, dự báo tăng trưởng kinh tế nội tỉnh năm 2020 gặp nhiều khó khăn, cụ thể:

(1) Ngành công nghiệp gặp khó khăn trong dư địa tăng trưởng sản phẩm Alumin do nhà máy Alumin Nhân Cơ đã hoạt động hết công suất thiết kế; đến nay Trung ương chưa có kết luận chính thức về việc mở rộng công suất, cường hóa Nhà máy Alumin Nhân Cơ lên 1,3 triệu tấn/năm. Nhà máy luyện Nhôm Trần Hồng Quân chậm tiến độ, không chỉ ảnh hưởng đến dự báo tăng trưởng của năm 2020 mà còn cả giai đoạn 2016-2020. Các dự án đăng ký mở mới về điện tái tạo (năng lượng mặt trời, điện gió...) đã được UBND tỉnh thỏa thuận cho các doanh nghiệp khảo sát, đề xuất nhưng hiện nay chưa được Trung ương bổ sung quy hoạch⁽⁵⁸⁾.

(2) Ngành nông nghiệp tiếp tục gặp nhiều khó khăn do dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi, và giá một số sản phẩm chủ lực tiếp tục ở mức thấp, ảnh hưởng tiêu cực đến thu nhập của người dân suốt những năm vừa qua, dự báo thị trường và giá cả chưa có dấu hiệu tích cực.

(3) Ngành thương mại và dịch vụ bị tác động bởi tăng trưởng KV1, KV2 không được như dự kiến, giá nông sản thấp, giảm nhu cầu tiêu dùng.

(4) Dư địa còn lại cho tăng trưởng GRDP năm 2020 tập trung vào ngành xây dựng, tập trung vào nhiệm vụ việc thu hút thêm các dự án đầu tư và đẩy nhanh tiến độ các dự án đầu tư công, tuy nhiên, nguồn vốn Trung ương tiếp tục gặp khó khăn, dự báo nguồn vốn lũy kế Trung ương giao đến hết năm 2020 chỉ đạt khoảng 73,5% KH Trung hạn.

(5) Theo dự báo sản lượng các sản phẩm chủ lực⁽⁵⁹⁾ của các ngành năm 2020 thì GRDP năm 2020 dự kiến tăng 7,91%. Tuy nhiên, căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, phân đấu Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP - 2010) bình quân giai đoạn 2016-2020 trên 9%/năm, phụ thuộc chủ yếu vào Khu vực Công nghiệp, với dự kiến sản phẩm Nhôm đạt trên 150.000 tấn, tuy nhiên, với tiến độ của dự án nhà máy luyện nhôm hiện tại thì phương án này tính khả thi thấp. Do đó, lựa chọn phương án tăng trưởng ổn định với GRDP (2010) tăng trưởng đạt 7,91%, có tính khả thi cao, phù hợp với điều kiện và diễn biến hiện tại của nền kinh tế nội tỉnh.

⁵⁸ Gồm 08 dự án điện năng lượng mặt trời với công suất 497 MGW, 07 dự án điện gió với công suất 660 MGW.

⁵⁹ Phụ lục số 2 - Về xây dựng các chỉ tiêu sản xuất chủ yếu - kèm theo.

3. Xây dựng các chỉ tiêu chủ yếu của năm 2020:

3.1. Tăng trưởng kinh tế: GRDP (giá 2010 - hệ số trung gian xây dựng NQ 5 năm) tăng 7,91%/NQ 5 năm 9%⁽⁶⁰⁾, thấp hơn NQ 5 năm; trong đó: KV1 tăng 5,68%; KV2 tăng 11,2%, KV3 tăng 8,84%, KV thuế tăng 9,05%.

Tương đương theo cách tính mới (công bố của Tổng cục Thống kê), GRDP (giá 2010) ước tăng 6,92%, trong đó: KV1 tăng 5,18%; KV2 tăng 8,51%, KV3 tăng 7,72%, KV thuế tăng 8,69%.

Trong trường hợp, sản xuất sản phẩm Nhôm trong năm 2020 được 150 ngàn tấn, như dự kiến thời điểm xây dựng NQ 5 năm, thì tốc độ tăng trưởng GRDP (2010) năm 2020 sẽ đạt 13,09%⁽⁶¹⁾. Nâng tốc độ tăng trưởng bình quân của cả giai đoạn 2016-2020 sẽ đạt 9,03%/NQ là 9% (tốc độ này chưa tính sản lượng điện năng lượng tái tạo, do Trung ương chưa có ý kiến phê duyệt quy hoạch bổ sung các dự án điện tái tạo).

3.2. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế (giá hiện hành): Tỷ trọng khu vực nông nghiệp chiếm 41,58%; khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm 17,22%; khu vực dịch vụ chiếm 34,97%; Thuế sản phẩm trừ trợ cấp 6,28%/NQ 5 năm lần lượt là 43,5% -22,1% - 28,7% - 5,7%, xấp xỉ NQ 5 năm ⁽⁶²⁾.

3.3. GRDP bình quân đầu người: Đạt 51,26 triệu đồng/NQ 5 năm là 54 triệu đồng; thấp hơn NQ 5 năm do dự kiến tăng trưởng giai đoạn không đạt KH.

3.4. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội trên 18.000 tỷ đồng/NQ 5 năm là 16.981 tỷ đồng, dự kiến nhà máy luyện Nhôm Trần Hồng Quân tập trung đầu tư hoàn thiện theo kết luận của Trung ương.

3.5. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn 2.700 tỷ đồng/NQ 5 năm 2.513 tỷ đồng, vượt NQ 5 năm (mục tiêu phấn đấu là trên 3.000 tỷ đồng).

3.6. Hạ tầng giao thông: Tỷ lệ nhựa hoá đường toàn tỉnh đạt 64%/NQ 5 năm 64%, bằng NQ 5 năm.

3.7. Hạ tầng cấp, thoát nước và đô thị: Bảo đảm nguồn nước cho 80% diện tích cây trồng có nhu cầu tưới; 90% hộ dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh; 100% hộ dân thành thị sử dụng nước sạch; bằng NQ 5 năm.

3.8. Hạ tầng cấp điện: 99% số hộ được dùng điện; Tỷ lệ thôn, bon, buôn có điện lưới Quốc gia 100%/NQ 5 năm 100%, bằng NQ 5 năm.

3.9. Tốc độ tăng dân số tự nhiên 1,1%, mức tỉ lệ giảm sinh 0,8%, bằng NQ 5 năm. Dân số trung bình ước đạt 638 ngàn người.

3.10. Lao động và việc làm: Số lao động được tạo việc làm tăng thêm là 18 ngàn người; Đào tạo nghề cho 3,8 ngàn người; bằng NQ 5 năm; Bổ sung chỉ

⁶⁰ Dự kiến tăng trưởng cả giai đoạn 2016-2020 đạt 8,01%/KH 9%.

⁶¹ Trong đó: KV1 tăng 5,68%, KV2 tăng 39,86% (riêng Công nghiệp tăng 51,26%); KV3 tăng 8,84%, KV Thuế trừ trợ cấp sản phẩm tăng 15,05%.

⁶² Chuyển dịch cơ cấu kinh tế (giá hiện hành - tính theo hệ số mới): Tỷ trọng khu vực nông nghiệp chiếm 38,35%; khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm 17,07%; khu vực dịch vụ chiếm 39,94%; Thuế sản phẩm trừ trợ cấp chiếm 4,64%.

tiêu: Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động tham gia bảo hiểm xã hội (BHXH) 10,44%.

3.11. Giảm nghèo: Giảm tỷ lệ hộ nghèo từ 3% trở lên/NQ 5 năm là 2%, trong đó hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ giảm từ 5% trở lên/NQ 5 năm là 5%, vượt NQ 5 năm (*Ước cuối năm 2020, tỉ lệ hộ nghèo khoảng 7%*).

3.12. Y tế: 70% xã đạt tiêu chuẩn quốc gia về y tế/NQ 5 năm 70%; 90% dân số tham gia bảo hiểm y tế/NQ 5 năm 82%, bằng NQ 5 năm.

3.13. Giáo dục: Số trường được công nhận đạt chuẩn quốc gia 8 trường; 70% dân số trong độ tuổi học Trung học phổ thông đi học, bằng NQ 5 năm.

3.14. Văn hóa: Tỷ lệ hộ gia đình đạt danh hiệu văn hóa 81,2%; Tỷ lệ thôn, bon, tổ dân phố văn hóa 83,2%; Xã, phường, thị trấn văn hóa 40,5%; Cơ quan đạt danh hiệu văn hóa 95,3%/NQ 5 năm lần lượt là 80% - 65% - 20% - 90%, vượt NQ 5 năm.

3.15. Môi trường: Tỷ lệ che phủ rừng 39,3%⁽⁶³⁾/NQ 5 năm 42%, thấp hơn NQ. Trồng mới rừng tập trung hàng năm 1.000 ha. Giảm 50% số vụ và diện tích rừng bị phá.

3.16. Nông thôn mới: Có thêm 04 xã đạt chuẩn nông thôn mới (lũy kế đạt 25 xã), 02 huyện trở lên đạt chuẩn NTM; mỗi xã đạt bình quân 15 tiêu chí trở lên, vượt NQ 5 năm.

(Chi tiết như Phụ lục đính kèm)

Như vậy, Kế hoạch năm 2020, trong 16 nhóm chỉ tiêu có 05 nhóm chỉ tiêu phấn đấu vượt Nghị quyết 5 năm (gồm: Thu ngân sách; Giảm nghèo; Giáo dục và đào tạo; Nông thôn mới; Văn hóa); 08 nhóm chỉ tiêu xây dựng theo Nghị quyết 5 năm (gồm: Tổng vốn đầu tư toàn xã hội; chuyển dịch cơ cấu; Hạ tầng giao thông; Hạ tầng cấp thoát nước đô thị; Hạ tầng cấp điện; Dân số, Lao động và việc làm; Y tế); 03 chỉ tiêu xây dựng thấp hơn (gồm: Tăng trưởng kinh tế, GRDP bình quân đầu người, Tỷ lệ che phủ rừng).

Theo kế hoạch năm 2020 được xây dựng nêu trên, đến cuối năm 2020, dự kiến các chỉ tiêu so với Nghị quyết 5 năm là:

- Có 06/16 nhóm chỉ tiêu dự kiến vượt Nghị quyết 5 năm, gồm: Thu ngân sách; Lao động và việc làm; Giảm nghèo; Giáo dục; Văn hóa; Nông thôn mới.

- Có 07/16 nhóm chỉ tiêu dự kiến đạt bằng Nghị quyết 5 năm, gồm: Chuyển dịch cơ cấu KT; Hạ tầng giao thông; Hạ tầng cấp thoát nước, đô thị; Hạ tầng cấp điện; Tỷ lệ tăng dân số; Y tế; Tổng vốn đầu tư toàn xã hội.

- Tuy nhiên, khả năng có 03/16 nhóm chỉ tiêu không đạt Nghị quyết 5 năm, gồm: Tăng trưởng kinh tế GRDP cả giai đoạn 8,01%/NQ trên 9%; GRDP bình quân đầu người năm 2020 dự kiến đạt 51,26 triệu đồng/NQ trên 54 triệu đồng; Chỉ tiêu về bảo vệ môi trường: Tỷ lệ che phủ rừng ước đạt 39,3%/NQ

⁶³ Tỷ lệ che phủ rừng năm 2018 ước đạt 39,3%, năm 2019 theo SNNPTNT sẽ giữ ổn định ở tỉ lệ này.

42%. Do đó, năm 2020, UBND tỉnh tập trung chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các dự án công nghiệp lớn; tăng mạnh diện tích trồng rừng.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN CHỦ YẾU

1. Phần đầu thực hiện thành công Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, Nghị quyết phát triển KTXH 5 năm 2016-2020 của HĐND tỉnh; Tổ chức thành công Đại hội Đảng các cấp nhiệm kỳ 2020-2025, xây dựng các văn kiện, kế hoạch cho giai đoạn mới:

- Phần đầu hoàn thành tốt nhất các chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra tại Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI nhiệm kỳ 2015- 020 và Nghị quyết về Kế hoạch phát triển KTXH giai đoạn 2016-2020 của HĐND tỉnh. Tổng kết giai đoạn 2015-2020.

- Tổ chức thành công Đại hội Đảng các cấp nhiệm kỳ 2016-2020, xây dựng Văn kiện trình Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII, xây dựng Kế hoạch phát triển KTXH giai đoạn 2021-2025 trình HĐND tỉnh.

- Xây dựng Quy hoạch tỉnh Đắc Nông thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2045 trình Trung ương phê duyệt. Triển khai hiệu quả các chính sách, quy định mới của Trung ương trên địa bàn. Tiếp tục thực hiện tốt Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững.

2. Về phát triển công nghiệp

- Triển khai thực hiện Chiến lược phát triển công nghiệp Bô xít, nhôm ngay khi có Kết luận của Trung ương, Bộ Chính trị về phát triển công nghiệp Bôxít, Alumin và luyện nhôm trong thời kỳ mới (2020-2030).

- Thực hiện các thủ tục trình Trung ương bổ sung quy hoạch KCN Nhân Cơ 2. Triển khai lập Quy hoạch chi tiết KCN Nhân Cơ 2 trình cấp thẩm quyền phê duyệt, tổ chức đền bù, giải phóng mặt bằng, tổ chức lựa chọn nhà đầu tư.

- Hỗ trợ Nhà máy Alumin Nhân Cơ trong vận hành, sản xuất, thực hiện cao nhất kế hoạch sản xuất; đồng thời hỗ trợ TKV đầu tư mở rộng quy mô nhà máy khi Trung ương cho phép nâng công suất lên 1,3 triệu tấn/năm. Hoàn thành xây dựng kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Nhân Cơ, bàn giao hạ tầng cho nhà máy luyện nhôm. Đẩy nhanh tiến độ dự án nhà máy luyện nhôm Trần Hồng Quân, hỗ trợ tháo gỡ vướng mắc về chính sách, phần đầu hoàn thành và đi vào sản xuất vào năm 2021.

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư công nghiệp, nhằm bù đắp sự thiếu hụt sản phẩm công nghiệp do chưa có sản phẩm nhôm theo kế hoạch đề ra, phát triển vùng nguyên liệu cho sản xuất công nghiệp. Chuyển đổi các cụm công nghiệp thiếu hiệu quả, tập trung vào các cụm công nghiệp có triển vọng.

3. Về phát triển nông nghiệp và nông thôn

- Tiếp tục triển khai hiệu quả kế hoạch thực hiện 02 đề án trọng điểm của ngành nông nghiệp: Tái cơ cấu ngành nông nghiệp và Quy hoạch vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao. Thu hút, hỗ trợ các doanh nghiệp đầu tư phát triển

nông thôn, nhất là những tập đoàn, công ty có tiềm lực mạnh và các doanh nghiệp khởi nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp.

- Kiểm soát và ngăn chặn lây lan dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi. Khắc phục hậu quả của dịch bệnh trên cây hồ tiêu và dịch bệnh trên lợn. Hỗ trợ người chăn nuôi bị thiệt hại do dịch tả lợn Châu Phi. Nâng cấp sửa chữa các công trình thủy lợi nhằm phát triển cơ sở hạ tầng nông nghiệp, nông thôn đồng bộ phục vụ sản xuất nông nghiệp hiệu quả. Tìm kiếm cách thức phát triển thị trường, thúc đẩy tiêu thụ nông sản. Chấn chỉnh công tác cấp phép, cấp chứng nhận đảm bảo chất lượng vật tư nông nghiệp và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới theo phương thức lồng ghép với nhiều chương trình, dự án trên cùng một địa bàn. Phát huy nguồn lực từ các nhà tài trợ cho các dự án ODA (WB8, ADB 8, VnSAT...), các chương trình mục tiêu vào triển khai xây dựng các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn. Quy hoạch chi tiết NTM ở các xã, trước mắt tập trung quy hoạch chi tiết: khu trung tâm, khu dân cư và khu sản xuất; Lập đề án phát triển sản xuất trên địa bàn các xã.

4. Về phát triển thương mại, dịch vụ và du lịch: Tiếp tục thực hiện cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”; thực hiện hiệu quả các hoạt động xúc tiến thương mại, kết nối giao thương, chú trọng xúc tiến thương mại ngoài nước, giúp doanh nghiệp tìm kiếm mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển và đẩy mạnh xuất khẩu. Tăng cường huy động nguồn lực để cải tạo, nâng cấp, xây dựng hệ thống chợ, siêu thị, trung tâm thương mại. Tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp đầu tư phát triển hệ thống phân phối bán buôn, bán lẻ trên địa bàn tỉnh, để đảm bảo cung ứng hàng hóa, phục vụ nhân dân trên địa bàn tỉnh. Thực hiện nhiệm vụ quản lý thị trường nhằm tăng cường kỷ cương, trật tự thị trường; ngăn chặn tệ buôn lậu, gian lận thương mại, sản xuất và buôn bán hàng giả, hàng kém chất lượng; bảo đảm hàng hóa lưu thông thông suốt, không để xảy ra tình trạng khan hiếm hàng hóa và tăng giá đột biến.

Tiếp tục theo dõi, đôn đốc tiến trình UNESCO hồ sơ Công viên địa chất toàn cầu Đắk Nông, phấn đấu được UNESCO công nhận công viên địa chất toàn cầu trong năm 2020. Xây dựng kế hoạch cụ thể để phân công nhiệm vụ khuyến khích, quảng bá, thu hút để khai thác tiềm năng, thế mạnh về du lịch của địa phương; hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng. Triển khai thực hiện “Đề án ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực du lịch giai đoạn 2018 - 2020 định hướng đến năm 2025” trên địa bàn tỉnh.

5. Về cải thiện môi trường đầu tư và kinh doanh: Tiếp tục thực hiện các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia đề ra tại Nghị quyết số 19, Nghị quyết số 35 của Chính phủ và các văn bản đã cụ thể hóa của UBND tỉnh với mục tiêu tạo điều kiện thuận lợi nhất cho đầu tư kinh doanh, giảm tối đa chi phí khởi nghiệp, giảm chi phí đầu vào (*phần đầu phải tăng từ 3-5 bậc xếp hạng PCI toàn quốc so với năm 2019*).

Thực hiện hiệu quả kế hoạch triển khai Nghị quyết số 10-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trên địa bàn tỉnh.

Tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nhà nước, thực hiện cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Các tổ chức tín dụng tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp, cá nhân được vay vốn để phát triển sản xuất, kinh doanh nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ. Tiếp tục rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính theo quy trình một cửa, một cửa liên thông trong lĩnh vực đầu tư, đất đai, môi trường, xây dựng,... tạo điều kiện cho Nhà đầu tư sớm triển khai thực hiện dự án. Kiện toàn tổ tư vấn thủ tục pháp lý và hoàn thiện hồ sơ miễn phí cho nhà đầu tư khi đến đầu tư vào tỉnh Đắk Nông. Nắm bắt, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, nhà đầu tư trong quá trình triển khai dự án và hoạt động sản xuất kinh doanh. Ban hành danh mục các dự án kêu gọi đầu tư giai đoạn 2020-2025 có tính khả thi, đảm bảo thu hút đầu tư hiệu quả. Triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ đầu tư đối với các dự án đã đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định.

6. Về phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, đô thị và huy động nguồn lực cho đầu tư phát triển: Thực hiện các biện pháp tăng nguồn thu, trong đó chú trọng các nguồn thu từ sản xuất kinh doanh, thu tiền sử dụng đất, chống thất thu thuế, bồi dưỡng nguồn thu. Tăng cường các biện pháp thu đối với các khoản nợ đọng thuế, thu các khoản nợ có khả năng thu hồi, ước khoảng 100,9 tỷ đồng. Tiếp tục thực hiện cải cách thủ tục hành chính thuế theo hướng công khai quy trình thủ tục; hỗ trợ, hướng dẫn, phục vụ tốt nhất cho người nộp thuế. Tuân thủ nghiêm và triển khai có hiệu quả Luật Đầu tư công 2019 và Luật Đấu thầu. Tiếp tục tăng cường quản lý đầu tư từ ngân sách nhà nước, nâng cao hiệu quả đầu tư, giải quyết dứt điểm nợ đọng xây dựng cơ bản. Tăng cường công tác giám sát, đánh giá đầu tư. Đánh giá kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020, xây dựng kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025, đảm bảo tiến độ các dự án đầu tư công trọng điểm. Nâng cao năng lực chuyên môn, quản lý, phẩm chất đạo đức của cán bộ quản lý quy hoạch đô thị. Hướng dẫn việc công bố công khai việc thực hiện quy hoạch, quản lý đất đai để tiến hành kêu gọi đầu tư phát triển đô thị theo quy hoạch được duyệt. Tăng cường công tác quản lý Nhà nước về giao thông vận tải, đôn đốc kiểm tra công tác quản lý khai thác bảo trì; công tác triển khai thu phí tự động tại các trạm BOT.

7. Về bảo đảm an sinh xã hội, chăm sóc đối tượng chính sách: Tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách, chế độ ưu đãi của nhà nước; tăng cường các hoạt động hỗ trợ, chăm sóc; tổ chức thăm hỏi, động viên trong các dịp lễ, Tết đối với người có công, gia đình chính sách, hộ nghèo, hộ cận nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số. Huy động nguồn lực phục vụ thực hiện công tác giảm nghèo, ưu tiên bố trí ngân sách nhà nước kịp thời, đủ để thực hiện chính sách hỗ trợ giảm nghèo, chú trọng huy động sự đóng góp của doanh nghiệp, vận động sự tài trợ của các tổ chức, cá nhân để thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững. Tăng cường các hoạt động truyền thông nhằm nâng cao nhận thức toàn xã hội

trong việc thực hiện công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em. Triển khai các hoạt động phòng, chống tai nạn, phòng chống đuối nước; các chương trình hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

8. Về Y tế: Tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân, xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở, triển khai khám và quản lý sức khỏe cộng đồng tại trạm y tế theo nguyên lý y học gia đình. Chủ động, tích cực phòng, chống dịch bệnh, không để các dịch bệnh lớn xảy ra. Tăng cường trách nhiệm và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm, môi trường y tế. Đẩy mạnh chương trình hợp tác y tế với Sở Y tế thành phố Hồ Chí Minh, đề án Bệnh viện tỉnh là bệnh viện vệ tinh của Bệnh viện Chợ Rẫy; nâng cao vai trò, năng lực điều trị tại bệnh viện đa khoa các tuyến, đẩy mạnh xã hội hóa trong công tác khám chữa bệnh tại các bệnh viện tuyến tỉnh, huyện. Triển khai hiệu quả công tác khám chữa bệnh bảo hiểm y tế, tiến tới bảo hiểm toàn dân vào năm 2020.

9. Về công tác giáo dục đào tạo: Triển khai kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo năm 2020 tại Kế hoạch số 399/KH-UBND ngày 25/7/2019 của UBND tỉnh. Thực hiện các biện pháp nâng cao tỷ lệ và chất lượng lao động qua đào tạo. Khẩn trương hoàn thành việc sắp xếp, điều chỉnh lại quy mô điểm trường, lớp học các trường mầm non, phổ thông công lập nhiều cấp học trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, giai đoạn 2019 - 2021 theo đề án đã được phê duyệt. Nâng cao chất lượng giáo dục cho học sinh dân tộc thiểu số. Nâng cao chất lượng công tác xây dựng trường chuẩn gắn với xây dựng nông thôn mới và phù hợp với các quy định mới của Trung ương. Tiếp tục nỗ lực nâng cao số lượng các trường được công nhận đạt chuẩn quốc gia. Rà soát, phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu còn nợ đối với các trường đã được công nhận đạt chuẩn quốc gia.

10. Về công tác đào tạo nghề và giải quyết việc làm: Đẩy mạnh các hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm của Trung tâm Dịch vụ việc làm; tăng tần suất và nâng cao chất lượng hoạt động của các phiên giao dịch việc làm. Đào tạo bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên đạt trình độ chuyên môn, nghiệp vụ theo chuẩn quy định, tổ chức đào tạo nghề theo hướng tăng thời gian thực hành, thực hành có chất lượng gắn với thực tiễn khoa học, kỹ thuật nhằm nâng cao tay nghề phù hợp với yêu cầu xã hội. Thực hiện có hiệu quả các dự án vay vốn giải quyết việc làm, chính sách tín dụng ưu đãi để phát triển kinh tế, tạo việc làm. Đồng thời, lồng ghép các hoạt động của chương trình cho vay vốn giải quyết việc làm và chương trình giảm nghèo để phát huy hiệu quả vốn vay. Nắm bắt được tình hình sử dụng lao động của các doanh nghiệp, đơn vị sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh cả về số lượng doanh nghiệp và tình hình chấp hành pháp luật lao động của doanh nghiệp.

11. Phát triển văn hóa, thể dục thể thao: Xây dựng văn hóa, đời sống con người phát triển toàn diện, bảo tồn kế thừa và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, bản địa; từng bước hoàn thiện thể chế, thiết chế văn hóa từ tỉnh đến cơ sở và sử dụng có hiệu quả các thiết chế văn hóa hiện có. Xây dựng hồ sơ xét tặng danh hiệu nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú trong lĩnh vực Di sản

văn hóa phi vật thể lần thứ III, năm 2020. Thực hiện tốt cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”. Tổ chức và tham dự các hội thao, giải thi đấu theo kế hoạch, phần đấu đạt thành tích cao.

12. Về phát triển khoa học và công nghệ, thông tin và truyền thông: Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động chỉ đạo điều hành, ứng dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 và triển khai dự án Chính quyền điện tử. Tập trung tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Bảo đảm thông tin liên lạc đặc biệt vào các dịp lễ lớn. Tiếp tục đẩy mạnh công tác nghiên cứu ứng dụng, nhất là trong phát triển nông nghiệp an toàn, nông nghiệp công nghệ cao; chú trọng lồng ghép việc thực hiện nhiệm vụ thuộc các chương trình quốc gia về khoa học công nghệ để giải quyết mục tiêu, nhiệm vụ của các chương trình, đề án, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Triển khai xây dựng thương hiệu, đăng ký bảo hộ sản phẩm, chỉ dẫn địa lý... đối với các sản phẩm chủ lực, thế mạnh, đặc trưng của tỉnh.

13. Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và bảo vệ rừng: Tăng cường quản lý khai thác, sử dụng tài nguyên khoáng sản, tập trung triển khai thực hiện tốt quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh. Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng tránh thiên tai, tìm kiếm cứu nạn. Đánh giá tổng thể các tác động môi trường, tình trạng sạt lở từ các hoạt động khai thác cát.

Tập trung bảo vệ nghiêm ngặt diện tích rừng hiện còn; chủ động ngăn chặn, bố trí lực lượng Kiểm lâm tăng cường về địa bàn xã; huy động lực lượng liên ngành chốt chặn, tuần tra, truy quét đột xuất, dài ngày tại các địa bàn trọng điểm, các điểm nóng về phá rừng, khai thác, mua bán, vận chuyển lâm sản, nhằm phát hiện, ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm ngay từ cơ sở. Rà soát, xử lý dứt điểm các vụ vi phạm Luật Bảo vệ và Phát triển rừng còn tồn đọng. Tập trung đẩy mạnh công tác trồng rừng, cụ thể hướng dẫn địa bàn, loại cây, tổ chức trồng rừng, có lộ trình cơ chế cụ thể triển khai từ đầu năm 2020; ưu tiên khoanh nuôi, tập trung bảo vệ để tái sinh rừng tự nhiên.

14. Về cải cách hành chính, tư pháp và nội chính, dân tộc và tôn giáo: Xây dựng nền hành chính trong sạch, vững mạnh, chuyên nghiệp, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả, giải quyết khó khăn của doanh nghiệp và người dân đến kết quả cuối cùng. Nghiêm túc triển khai có kết quả tốt các chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh và UBND tỉnh. Thực hiện việc giải thể, sáp nhập, hợp nhất, cổ phần hóa... một số cơ quan, đơn vị hành chính, sự nghiệp cấp tỉnh theo Nghị định của Chính phủ. Tiếp tục thực hiện chính sách tinh giản biên chế của cơ quan, đơn vị. Thực hiện tốt các chính sách dân tộc và tôn giáo trên địa bàn tỉnh. Triển khai thực hiện có hiệu quả “Đề án đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật giai đoạn năm 2018-2020”.

15. Giải quyết khiếu nại tố cáo và phòng, chống tham nhũng, lãng phí: Tăng cường công tác tiếp công dân, đề cao trách nhiệm của người đứng đầu; tập trung giải quyết các vụ khiếu nại, tố cáo ngay từ cơ sở, không để trở

thành “điểm nóng”, gây mất an ninh trật tự, tập trung xử lý các vụ việc phức tạp kéo dài, rà soát để xử lý dứt điểm những vụ việc có dấu hiệu tiêu cực, tham nhũng tòn đọng; xử lý kịp thời đơn, thư khiếu nại, tố cáo có liên quan đến tham nhũng. Thực hiện nghiêm Kế hoạch 473/KH-UBND ngày 11/9/2019 của UBND tỉnh về thực hiện Đề án đấu tranh phòng, chống ”tham nhũng vặt” trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 474/KH-UBND của UBND tỉnh ngày 11/9/2019 về tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà trong giải quyết công việc; Kế hoạch số 530/KH-UBND ngày 19/10/2019 của UBND tỉnh về việc tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về phòng chống tham nhũng. Thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công điện số 724/CD-TTg ngày 17/6/2019 về việc tăng cường các biện pháp phòng ngừa tiêu cực, tham nhũng trong hoạt động công vụ.

16. Về công tác đối ngoại, quốc phòng, an ninh: Tăng cường củng cố quốc phòng an ninh, bảo đảm trật tự an toàn xã hội, đặc biệt tại các khu vực trọng điểm, vùng biên giới. Tiếp tục giảm tỉ lệ tội phạm, giảm tai nạn giao thông. Hoàn thành các chỉ tiêu tuyển quân, tổ chức hiệp đồng giao nhận quân năm 2020. Xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện đề án bảo đảm quốc phòng năm 2020. Thực hiện tốt đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước, tăng cường hợp tác quốc tế, tranh thủ mọi nguồn lực bên ngoài để phát triển kinh tế. Đẩy mạnh mở rộng quan hệ kinh tế với tỉnh Mondulkiri, Vương quốc Campuchia.

Kính trình HĐND tỉnh xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thị xã;
- VP UBND tỉnh: Lãnh đạo VP, KTTH, KTN, KGVX, NC;
- Lưu: VT, KTTH.

52

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Xuân Hải

Phụ lục số 01
XÂY DỰNG KẾ HOẠCH CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ XÃ HỘI NĂM 2020
(Kèm theo Báo cáo số 577/BC-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2019 của UBND tỉnh Đắk Nông)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2018	Năm 2019		Năm 2020	Ghi chú	
				Kế hoạch	Ước thực hiện cả năm		Nghị quyết 5 năm	Kế hoạch
I	CHỈ TIÊU KINH TẾ							
	Tổng giá trị gia tăng (giá cố định năm 2010)	Tỷ đồng	19.169	20.771	20.672	22.757	22.308	15170
	<i>Trong đó:</i>							14776
	+ Giá trị gia tăng ngành nông, lâm nghiệp	Tỷ đồng	8.288	8.766	8.767	8.710	9.266	
1	+ Giá trị gia tăng ngành công nghiệp - xây dựng	Tỷ đồng	3.140	3.524	3.471	5.239	3.860	
	+ Giá trị gia tăng ngành dịch vụ	Tỷ đồng	6.580	7.189	7.170	7.398	7.804	
	+ Thuế sản phẩm trừ trợ cấp	Tỷ đồng	1.161	1.292	1.264	1.410	1.378	
	Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP)	%	8,21%	8,09%	7,83%	9,12%	7,91%	Thấp hơn NQ 5 năm
	Tổng giá trị gia tăng (giá hiện hành)	Tỷ đồng	29.337	31.941	30.109	34.972	33.038	
	<i>Trong đó:</i>							
	+ Giá trị gia tăng ngành nông, lâm nghiệp	Tỷ đồng	13.555	14.399	12.739	15.229	13.736	
	+ Giá trị gia tăng ngành công nghiệp - xây dựng	Tỷ đồng	4.661	5.258	4.963	7.723	5.689	
	+ Giá trị gia tăng ngành dịch vụ	Tỷ đồng	9.636	10.325	10.526	10.025	11.538	
	+ Thuế sản phẩm trừ trợ cấp	Tỷ đồng	1.485	1.959	1.881	1.995	2.075	
	GRDP bình quân đầu người	Triệu đồng	45,24	Trên 48	47,79	54,08	51,26	Thấp hơn NQ 5 năm
3	Cơ cấu tổng giá trị gia tăng theo ngành kinh tế	%	100	100%	100%	100	100	Xấp xỉ NQ 5 năm



TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2018	Năm 2019		Năm 2020		Ghi chú	
				Kế hoạch	Ước thực hiện cả năm	Nghị quyết 5 năm	Kế hoạch	Đánh giá TH 2019	Xây dựng KH 2020
3	+ Nông, lâm nghiệp	%	38,76	45,1%	42,3%	43,5%	41,58		
	+ Công nghiệp - xây dựng	%	13,33	16,5%	16,5%	22,1%	17,22		
	+ Dịch vụ	%	27,55	32,3%	35,0%	28,7%	34,92		
	+ Thuế sản phẩm trừ trợ cấp	%	4,25	6,1%	6,2%	5,7%	6,28		
4	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội	Tỷ đồng	15.281	18.500	15.100	18.011	18.000	Không đạt KH	Bảng NQ 5 năm
	Xuất - nhập khẩu								
5	Giá trị kim ngạch xuất khẩu trên địa bàn	Triệu USD	1.158	1.298	1.150	1.150	1.170	<i>Chỉ tiêu theo dõi</i>	
	Giá trị kim ngạch nhập khẩu trên địa bàn	Triệu USD	250	220	340	150	220		
	Thu - Chi ngân sách								
6	Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn	Tỷ đồng	2.372	2.358	2.600	2.513	2.700	Vượt KH	Vượt NQ 5 năm
	Chi ngân sách địa phương	Tỷ đồng	7.358	6.322	6.972	7.757	7.225		
7	Tổng mức lưu chuyển hàng hoá bán lẻ và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trên địa bàn	Tỷ đồng	14.641	16.105	14.735	17.715	17.715	<i>Chỉ tiêu theo dõi</i>	
8	Hạ tầng giao thông							Đạt KH	Bảng NQ 5 năm
	Nhựa hóa đường toàn tỉnh	%	61,15	63,5	63,5	64	64,0		
	<i>Trong đó: Nhựa hoá đường huyện</i>	%	92	96	96	100	100		
9	Hạ tầng cấp, thoát nước đô thị							Đạt KH	Bảng NQ 5 năm
	- Tỷ lệ đáp ứng cho diện tích có nhu cầu tưới	%	76	78	78	80	80		
	- Tỷ lệ hộ nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh	%	88	89	89	90	90		
	- Tỷ lệ hộ dân thành thị sử dụng nước sạch	%	96	98	98	100	100		
	- Tỷ lệ thu gom rác thải đô thị	%	100	100	100	100	100		

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2018	Năm 2019		Năm 2020		Ghi chú	
				Kế hoạch	Ước thực hiện cả năm	Nghị quyết 5 năm	Kế hoạch	Đánh giá TH 2019	Xây dựng KH 2020
10	Hạ tầng cấp điện								
	- Tỷ lệ số hộ được sử dụng điện	%	97,5	98	98	99,0	99	Đạt KH	Bảng NQ 5 năm
	- Tỷ lệ thôn, buôn, bon có điện lưới QG	%	99	99,5	100	100,0			
II	CHỈ TIÊU XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG								
1	Dân số trung bình								Đỉnh chính lại số liệu theo Kết quả tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019
	- Dân số trung bình	Ngàn người	645	659	630	647	644		
	- Tốc độ tăng dân số tự nhiên	%	1,1	1,1	1,1	1,0	1,1	Đạt KH	Bảng NQ 5 năm
	- Mức tỉ lệ giám sinh	‰	0,8	0,8	0,8	0,8	0,8	Vượt KH	Bảng NQ 5 năm
2	Lao động và việc làm								
	- Số lao động được giải quyết việc làm	Người	18.280	18.000	18.290	18.000	18.000		
	- Đào tạo nghề	Người	3.949	3.800	3.960	3.800	3.800		
	- Tỉ lệ lao động qua đào tạo	%	41	42,5	42,5	45	45,0		
3	- Tỉ lệ người dân trong độ tuổi lao động tham gia BHXH	%			9,69%		10,44%		Chỉ tiêu bổ sung từ năm 2020
	Giảm nghèo:							Vượt KH	Vượt NQ 5 năm
3	Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn đa chiều)	%	13,51%; (giảm 3,06%); Hộ cận nghèo: 6,23%	Giảm trên 2,5%	Giảm 3%	Giảm 2%	Giảm trên 3%		

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2018	Năm 2019		Năm 2020		Ghi chú	
				Kế hoạch	Ước thực hiện cả năm	Nghị quyết 5 năm	Kế hoạch	Đánh giá TH 2019	Xây dựng KH 2020
3	Trong đó: Tỷ lệ hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ	%	Giảm 5% (còn 38,57%)	Giảm 5%	Giảm khoảng 5%	Giảm 3%	Giảm trên 5%		
	Y tế							Đạt KH	Bảng NQ 5 năm
4	- Số giường bệnh/vạn dân (không tính trạm y tế xã)	Giường	18,2	18,5	18,5	18,8	18,8		
	- Số bác sỹ/vạn dân	Bác sỹ	7,5	7,7	7,7	8,0	8,0		
	- Tỷ lệ đạt chuẩn quốc gia về y tế xã	%	56,3	59,2	59,2	70,0	70,0		
	- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng	%	20,6	20,1	20,1	18,0	18,0		
	- Tỷ lệ tiêm chủng mở rộng cho trẻ em	%	96,5	≥90	95	>=90	>=95		
	- Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	85,0	87,3	88,0	82,0	90,0		
5	Giáo dục							Vượt KH	Vượt NQ 5 năm
	- Tỷ lệ dân số trong độ tuổi học Trung học phổ thông đi học	%	68,5	69,0	69,0	70	70		
	- Số trường ở các cấp học được công nhận đạt chuẩn quốc gia mới	Trường/năm	13	8,0	22,0	8	9		
6	Văn hóa							Vượt KH	Vượt NQ 5 năm
	- Tỷ lệ hộ gia đình đạt danh hiệu văn hóa	%	80,93	81,00	81,15	80,00	81,20		
	- Tỷ lệ thôn, bon, tổ dân phố văn hóa	%	82,12	82,50	83,00	65,00	83,20		
	- Xã, phường, thị trấn văn hóa	%	35,21	36,00	38,02	20,00	40,54		
	- Cơ quan văn hóa	%	94,31	95,00	95,20	90,00	95,30		
7	Chỉ tiêu về môi trường								
	- Tỷ lệ che phủ rừng	%	39,2	39,3	39,3	42,0	39,3		Thấp hơn NQ 5 năm
	- Trồng mới rừng tập trung hàng năm	ha	1.630	1.000	1.247	1.000	1.000		

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2018	Năm 2019		Năm 2020		Ghi chú	
				Kế hoạch	Ước thực hiện cả năm	Nghị quyết 5 năm	Kế hoạch	Đánh giá TH 2019	Xây dựng KH 2020
7	- Tỷ lệ giảm các vụ phá rừng (giảm % số vụ và diện tích so với năm trước)	%	Giảm 10% số vụ; giảm 40% diện tích	Giảm 50% số vụ và diện tích	Giảm 11,2% số vụ và 19,7% diện tích	Giảm 50% số vụ và diện tích	Giảm 50% số vụ và diện tích	Không đạt KH	
Nông thôn mới:									
8	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới	Xã	6 (lũy kế 16 xã)	5 (lũy kế 21 xã)	5 (lũy kế đạt 21 xã) và thị xã Gia Nghĩa đạt chuẩn NTM	Lũy kế 18 xã	4 xã (lũy kế 25 xã); 02 huyện trở lên (dự kiến huyện Đắk R'lấp)	Đạt KH	Theo NQ 03-NQ/TU; Vượt NQ 5 năm
	Số tiêu chí bình quân mỗi xã đạt trở lên	Tiêu chí	12,80	13,9	13,9	15,00	15,00		

Phụ lục số 02
XÂY DỰNG CHỈ TIÊU SẢN XUẤT CÁC SẢN PHẨM CHỦ YẾU NĂM 2020
 (Kèm theo Báo cáo số 577 /BC-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2019 của UBND tỉnh Đắk Nông)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2018	Năm 2019		Năm 2020		So sánh ước TH 2019/KH năm 2019	So sánh ước TH năm 2019/TH năm 2018	So sánh KH năm 2020/U' TH năm 2019	Ghi chú
				Kế hoạch	Ước thực hiện cả năm	Nghị quyết 5 năm	Kế hoạch				
I											
1	Sản phẩm nông nghiệp chủ yếu										
	Sản lượng lương thực có hạt	Tấn	429.518	447.777	443.893	400.000	470.720	99,1	103,3	106,0	
	Trong đó: + Thóc	Tấn	78.666	79.000	78.840	72.400	83.500	99,8	100,2	105,9	
	+ Ngô	Tấn	350.852	368.777	365.053	327.600	387.220	99,0	104,0	106,1	
2	Sắn	Tấn	209.783	208.917	209.783		219.400	100,4	100,0	104,6	
3	Khoai lang	Tấn	87.055	78.257	81.531		82.200	104,2	93,7	100,8	
4	Rau xanh	Tấn	72.466	64.877	76.976		81.000	118,6	106,2	105,2	
5	Đậu các loại (thực phẩm)	Tấn	9.151	9.662	9.543		9.800	98,8	104,3	102,7	
6	Đậu các loại (công nghiệp)	Tấn	20.519	20.819	20.934	17.935	21.900	100,6	102,0	104,6	
7	Mía	Tấn	4.740	4.880	3.952	175.000	4.000	81,0	83,4	101,2	
8	Chanh dây	Tấn	23.055	34.224	32.442		35.900	94,8	140,7	110,7	
9	Cà phê nhân	Tấn	280.974	310.695	299.500	350.000	316.000	96,4	106,6	105,5	
10	Cao su (mủ tươi)	Tấn	26.724	38.526	31.526	44.146	36.400	81,8	118,0	115,5	
11	Điều	Tấn	16.641	17.795	17.795	8.386	18.700	100,0	106,9	105,1	
12	Tiêu	Tấn	42.227	60.049	50.098	40.873	59.300	83,4	118,6	118,4	
13	Ca cao	Tấn	574			4.000					
14	Sầu riêng	Tấn	9.002	21.120	15.312		22.100	72,5	170,1	144,3	
15	Bơ	Tấn	5.529	23.750	10.750		20.000	45,3	194,4	186,0	
II											
1	Sản phẩm công nghiệp chủ yếu										
	Đá xây dựng các loại	10 ³ m ³	1.100	1.300	1.000	2.000	1.300	76,9	90,9	130,0	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2018	Năm 2019		Năm 2020		So sánh ước TH 2019/KH năm 2019	So sánh ước TH năm 2019/TH năm 2018	So sánh KH năm 2020/ƯTH năm 2019	Ghi chú
				Kế hoạch	Ước thực hiện cả năm	Nghị quyết 5 năm	Kế hoạch				
2	Khí CO2	Tấn	4.700	5.800	3.408	17.000	4.800	58,8	72,5	140,8	
3	Gạch xây dựng	Tr.viên	210	230	230	300	230	100,0	109,5	100,0	
4	Cát xây dựng	10 ³ m ³									
5	Cồn công nghiệp	Tấn	12.000	15.000	2.244	41.000	10.000	15,0	18,7	445,6	
6	Cà phê bột	Tấn	1.400	1.500	1.500	16.000	1.700	100,0	107,1	113,3	
7	Gỗ cưa hoặc xẻ XD CB	m ³	8.400	8.400	8.400	33.500	9.000	100,0	100,0	107,1	
8	Ván MDF	m ³	70.900	120.000	75.000	65.000	120.000	62,5	105,8	160,0	
9	Chế biến cà phê nhân	10 ³ tấn	250	270	270	250	300	100,0	108,0	111,1	
10	Bàn, ghế, giường, tủ bằng gỗ các loại	S.phẩm	135.000	135.000	135.000	48.000	140.000	100,0	100,0	103,7	
11	Tinh bột sắn	Tấn	28.500	29.500	29.500	30.000	30.000	100,0	103,5	101,7	
12	Mủ Cao su (SVR10, RSS...)	Tấn	11.000	12.500	12.500	8.500	12.500	100,0	113,6	100,0	
13	Hạt điều nhân	Tấn	4.000	4.500	4.500	3.700	4.660	100,0	112,5	103,6	
14	Đậu phộng, đậu nành sấy	Tấn	4.600	4.900	5.300	7.000	5.400	108,2	115,2	101,9	
15	Bồn Inox, bồn nhựa	S. phẩm	100.000	110.000	110.000	30.000	110.000	100,0	110,0	100,0	
16	Điện thương phẩm	Tr.kwh	528	660	660	6.200	660	100,0	125,0	100,0	
17	Điện sản xuất	Tr.kwh	1.520	1.622	1.622	1.600	1.760	100,0	106,7	108,5	
18	Nước máy	10 ³ m ³	4.320	4.550	4.550	4.500	4.600	100,0	105,3	101,1	
19	Đá sê ốp lát	10 ³ m ²	700	720	720	250	740	100,0	102,9	102,8	
20	Sản phẩm Alumin	10 ³ tấn	620	640	680	600	680	106,3	109,7	100,0	